

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2017**

**Hà Nội, tháng 04 năm 2017**

## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG .....</b>	<b>2</b>
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: .....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	4
5. Định hướng phát triển .....	5
6. Các rủi ro .....	8
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>10</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	10
2. Tổ chức và nhân sự.....	11
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	16
4. Tình hình tài chính .....	19
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	20
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty .....	21
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>21</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	21
2. Tình hình tài chính .....	25
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	25
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	26
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội .....	29
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA GELEX.....</b>	<b>29</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của GELEX.....	29
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty .....	30
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	30
<b>V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>	<b>31</b>
1. Tổ chức kiểm toán.....	31
2. Ý kiến kiểm toán và báo cáo tài chính .....	31



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**  
**Năm 2016**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100512
- Vốn điều lệ và vốn đầu tư của chủ sở hữu:
  - + Tại thời điểm 31/12/2016 Vốn điều lệ của GELEX là 1.550.000.000.000 đồng, vốn đầu tư của chủ sở hữu là 1.550.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 04 39726245/6
- Số fax: 04 39726282
- Website: [www.gelex.vn](http://www.gelex.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): GEX

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện (nay là Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tại thời điểm quyết định thành lập, Tổng công ty có 10 đơn vị thành viên hạch toán độc lập và 03 liên doanh nước ngoài trực thuộc các công ty thành viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2006, Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo quyết định số 127/2006/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, Tổng công ty – tức công ty mẹ được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện và Văn phòng Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện.

Thực hiện phương án cổ phần hóa đã được Chính phủ phê duyệt, ngày 27 tháng 09 năm 2010 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với giá đấu thành công bình quân là 10.502 đồng/cổ phần.

Ngày 01 tháng 12 năm 2010, Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam chính thức chuyển đổi thành Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 1.400.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng). Nhà nước nắm giữ 87,17% vốn điều lệ. Đại diện sở hữu của Nhà nước tại Tổng công ty là Bộ Công Thương.

Ngày 06/08/2015, Tổng công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 1.400 tỷ đồng lên 1.550 tỷ đồng cho cổ đông chiến lược – Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt.

Tháng 10 năm 2015, cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức được giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán UpCom – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Ngày 25 tháng 12 năm 2015, Bộ Công Thương thoái toàn bộ 100% vốn đầu tư tại Tổng công ty.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

#### *3.1. Ngành nghề kinh doanh*

a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220V;

- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220 KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;

- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

b) Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các Công ty con, công ty liên kết.

#### *3.2. Địa bàn kinh doanh:*

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi là GELEX) có địa bàn hoạt động kinh doanh rộng khắp cả nước từ Bắc vào Nam, ngoài ra GELEX còn thực hiện xuất khẩu sang các nước trong khu vực như Cambodia, Lào, ...

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

##### 4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất. Đại hội đồng cổ đông quyết định định hướng phát triển của GELEX, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

- Hội đồng quản trị (HDQT) là cơ quan quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có đầy đủ quyền hạn quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Tổng Công ty ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty gồm có 05 thành viên. HDQT có bộ phận giúp việc là Ban Thư ký HDQT.

- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, là tổ chức thay mặt cổ đông giám sát, kiểm tra mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng Công ty. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

- Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc do HDQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động hàng ngày của GELEX.

- Dưới Ban Tổng giám đốc là 6 phòng ban chức năng, Khách sạn Bình Minh Hà Nội và Ban quản lý tòa nhà GELEX.

##### 4.2. Các công ty con, công ty liên doanh liên kết

Tính đến ngày 31/12/2016 công ty có 07 công ty con, 04 công ty liên kết và 01 công ty liên doanh

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động kinh doanh chính	Loại hình
1	Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, TP.Hồ Chí Minh	288.000.000.000	74,73%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện	Công ty con
2	Công ty CP chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM)	Km 12, Quốc lộ 32, Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	368.000.000.000	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	Công ty con
3	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng GELEX	Số 52 Phố Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	20.000.000.000	81,25%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Công ty con
4	Công ty CP Thiết bị điện (THIBIDI)	KCN Biên Hòa 1 - Đường số 9 - Phường An Bình - TP Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai	488.000.000.000	70,79%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	Công ty con

5	Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện (GELEX EMIC)	Tầng 5, tòa nhà GELEX, số 52 phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	368.000.000.000	100%	Sản xuất thiết bị đo điện	Công ty con
6	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX	Tòa nhà GELEX, số 52 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	500.000.000.000	100%	Sản xuất và phân phối điện	Công ty con
7	Công ty TNHH GELEX Campuchia	49 road 4 Sangkat Phleng Chhe Rotes-Phnom Penh-Campuchia	25.000 USD	100%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện	Công ty con
8	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	KCN Biên Hòa 1 - Đường số 9-P.An Bình - TP Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai	8.000.000 USD	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc	Công ty liên doanh
9	Công ty CP Khí cụ điện 1 (VINAKIP)	P. Xuân Khanh - TX. Sơn Tây - Hà Nội	45.600.000.000	49,24%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	Công ty liên kết
10	Công ty CP Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari (VIHEM)	Tổ 24 Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	43.500.000.000	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	Công ty liên kết
11	Công ty CP sản xuất và thương mại EMIC (EPT)	Số 91 Phố Hoa Lâm, P. Đức Giang, Q. Long Biên, Hà Nội	20.000.000.000	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện	Công ty liên kết
12	Công ty CP kho vận Miền Nam (Sotrans)	1B Hoàng Diệu, phường 13, quận 4, TP Hồ Chí Minh	854.378.790.000	24,93%	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển, khai thác cảng	Công ty liên kết

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của GELEX giai đoạn sắp tới

- Tập trung nguồn lực, giữ vững sự ổn định trong sản xuất các sản phẩm truyền thống và các lĩnh vực mới đã mở rộng. Tăng cường năng lực quản lý; tiến hành theo hướng chuyên nghiệp. Tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ.

- Tập trung bám sát tình hình thị trường và các đối thủ cạnh tranh để có chính sách kinh doanh, chiến lược thị trường hợp lý. Tiếp tục duy trì và phát triển thị phần trong nước từng bước mở rộng thị trường trong nước, các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Chú trọng công tác nghiên cứu, chế tạo các sản phẩm mới với hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao. Tăng cường hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết với các đối tác trong nước và ngoài nước nhằm đa dạng hóa sản phẩm, ngành hàng, hình thành bộ sản phẩm tổng thể hoàn chỉnh cung cấp cho khách hàng.

- Sắp xếp lực lượng lao động; kiện toàn bộ máy quản lý các cấp từ Tổng Công ty đến các Đơn vị thành viên. Giao quyền tự chủ lớn hơn cho các Đơn vị, hỗ trợ Đơn vị trong công tác định hướng, xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù của từng ngành hàng, từng doanh nghiệp, khách hàng và thị trường.

- Hỗ trợ Đơn vị thành viên trong hệ thống GELEX giảm giá thành sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm bằng cách triển khai kế hoạch mua sắm tập trung vật tư nguyên liệu chính phục vụ sản xuất kinh doanh các Đơn vị thành viên, mua sắm lô lớn để có giá mua và điều kiện thương mại tốt nhất.

- Áp dụng công nghệ quản trị tiên tiến, ứng dụng công nghệ thông tin ứng dụng vào mọi mặt quản lý điều hành của GELEX và các Đơn vị thành viên. Cải cách toàn diện cách thức giao dịch nội bộ trên cơ sở tăng cường tính kết nối- chia sẻ thông tin- nhanh – hiệu quả - không rào cản, tối giản các thủ tục hành chính.

- Dành nguồn lực phát triển thương hiệu GELEX của Tổng công ty trở thành thương hiệu mạnh quốc gia ngang tầm quốc tế. Xây dựng một chính sách truyền thông thương hiệu, sản phẩm dịch vụ phù hợp với đặc thù ngành hàng, đối tượng tiêu dùng, chú trọng tính hiệu quả của truyền thông, quảng cáo. Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp cả trong và ngoài nước.

- Công tác quản trị nội bộ: Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các Quy chế quản trị nội bộ phù hợp hơn với tình hình thực tế; tăng cường năng lực quản lý theo hướng chuyên nghiệp; thắt chặt kỷ luật sản xuất; quản lý, kiểm soát tốt và tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm; thực hiện đào tạo nâng cao trình độ của lực lượng lao động phù hợp với thiết bị công nghệ mới để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và cải thiện thu nhập cho người lao động.

## 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ **Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu GELEX, giữ vững vị thế nhà sản xuất thiết bị điện hàng đầu Việt Nam**

Thiết bị điện công nghiệp và dân dụng được hoạch định tiếp tục là lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính và nòng cốt của GELEX. GELEX tiếp tục khai thác và phát triển các dòng sản phẩm chủ đạo: Dây cáp điện CADIVI; Máy biến áp THIBIDI, HEM; công tơ điện tử, thiết bị đo điện GELEX-EMIC; động cơ điện, máy phát điện HEM, VIHEM; khí cụ điện VINAKIP, dây đồng CFT. Đồng thời, GELEX sẽ tiếp tục nghiên cứu và mở rộng các mảng

sản phẩm thiết bị điện, khí cụ điện mới hướng tới mục tiêu sản phẩm đa dạng, có hàm lượng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường. Tầm nhìn của GELEX là tập đoàn công nghiệp trong lĩnh vực thiết bị điện hàng đầu quốc gia, hướng tới khu vực và quốc tế.

✓ ***Phát triển kinh doanh trong lĩnh vực năng lượng, tiện ích***

Đồng hành cùng sự phát triển của đất nước, năng lượng điện là cốt lõi cho sự phát triển của Việt Nam. Cùng với đó, nhu cầu nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất cũng ngày một tăng cao. GELEX xác định lĩnh vực nguồn phát điện đặc biệt là các dự án phát điện sạch, tái tạo như thủy điện, điện mặt trời, phong điện và lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch là lĩnh vực đầu tư chiến lược, một mặt đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của đất nước, thực hiện cam kết của chính phủ trong việc giảm hiệu ứng nhà kính, cắt giảm khí thải với cộng đồng quốc tế, mặt khác tạo ra nguồn thu ổn định, bền vững lâu dài cho toàn Tổng Công ty.

✓ ***Mở rộng sang lĩnh vực logistics***

Theo ước tính hiện nay mỗi năm chi phí logistics ở Việt Nam chiếm khoảng 21-25% GDP; tương đương **37- 40 tỉ USD**. Trong thời gian tới, nguồn cầu cho ngành logistics sẽ tăng trưởng mạnh mẽ nhờ việc hội nhập ngày càng sâu của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Chính vì vậy logistics được coi là một lĩnh vực kinh doanh chiến lược của Tổng Công ty nhằm tận dụng tiềm năng to lớn của ngành này cũng như phục vụ nhu cầu logistics nội bộ của Tổng Công ty, giúp tiết kiệm chi phí. SOTRANS là doanh nghiệp với chuỗi dịch vụ logistics khép kín, cung cấp cho khách hàng hệ thống dịch vụ tổng thể toàn diện. Đồng thời SOTRANS và các doanh nghiệp trong hệ thống SOTRANS sở hữu hệ thống kho bãi, cầu cảng, ICD ... tại các vị trí chiến lược quan trọng tại khu vực TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, nằm trong top 10 doanh nghiệp logistics lớn nhất Việt Nam. SOTRANS sẽ là đầu mối của Tổng Công ty trong lĩnh vực kinh doanh logistics. Mục tiêu phát triển trở thành một doanh nghiệp cung cấp chuỗi dịch vụ logistics khép kín, với mạng lưới rộng khắp tại các vị trí kinh tế chiến lược của Việt Nam và quốc tế, hướng tới mục tiêu lọt vào top 3 doanh nghiệp logistics lớn nhất Việt Nam.

✓ ***Hoàn thiện và chuyên biệt hóa lĩnh vực kinh doanh bất động sản***

GELEX tập trung khai thác và phát triển quỹ đất hiện tại của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên, hướng tới trở thành một nhà cung cấp dịch vụ khách sạn và văn phòng cho thuê uy tín của Việt Nam.

✓ ***Tiếp tục mở rộng các hoạt động đầu tư***

GELEX sẽ tiếp tục tìm kiếm và đẩy mạnh các hoạt động tài chính nhằm tối ưu hóa các nguồn lực của các đơn vị thành viên trong tập đoàn, kết nối các nguồn vốn, tạo ra một sức mạnh và lợi thế cạnh tranh riêng của GELEX. Ngoài ra, GELEX tiếp tục tích cực mở rộng các hoạt động hợp tác đầu tư, đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp có tiềm năng, phù hợp trong và ngoài nước.



### 5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

GELEX sẽ là một doanh nghiệp có trách nhiệm đối với các hoạt động xã hội. Bên cạnh việc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng thuế cho Nhà nước, GELEX còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội như công tác đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ vùng bị thiên tai, công tác từ thiện vì người nghèo, các hoạt động bảo vệ môi trường ...

## 6. Các rủi ro

### 6.1 Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất,... chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

#### ✓ Tăng trưởng kinh tế

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng nên các yếu tố kinh tế vĩ mô luôn có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Tổng Công ty.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Tổng Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế và lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn thực hiện tiết kiệm chi phí một cách triệt để nhằm gia tăng biên lợi nhuận trong lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty.

#### ✓ Lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

#### ✓ Lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để hạn chế thấp nhất rủi ro về lãi suất, Tổng Công ty đã có sự chủ động lên kế hoạch về nguồn vốn phục vụ các hoạt động kinh doanh, điều chỉnh kỳ hạn các khoản vay phù hợp với kỳ hạn đầu tư hoặc vòng quay hoạt động, thiết lập quan hệ với các ngân hàng nhằm đàm phán các giải pháp tổng thể với chi phí hợp lý nhất.

### 6.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công

ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của công ty. Hiện tại, hoạt động của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Tổng Công ty liên tục cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật là biện pháp Tổng Công ty đã lựa chọn và theo đuổi.

### 6.3. Rủi ro đặc thù

#### ✓ Rủi ro về cạnh tranh

Năm 2016 và những năm sắp tới là thời kỳ Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước, đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước trong đó có GELEX phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của quá trình hội nhập cả về chất lượng và giá bán, cạnh tranh công bằng và cả cạnh tranh chưa công bằng, cạnh tranh với hàng nội địa và cả hàng hóa nhập từ Trung Quốc và nước ngoài.

Với đặc thù của sản phẩm kỹ thuật cao, công nghệ liên tục phát triển đòi hỏi nhà sản xuất phải hết sức nhanh nhạy và linh hoạt, chủ động, cập nhật thông tin, kịp thời thay đổi thiết kế, tính năng sản phẩm phù hợp.

#### ✓ Rủi ro về yếu tố đầu vào

Các loại vật liệu chính như tôn tấm, thép, đồng, xi măng,... Tổng Công ty sử dụng chủ yếu được mua từ các Tổng Công ty cung ứng trong nước và một số được nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thực tế, những năm qua, giá các loại nguyên vật liệu này biến động phức tạp gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sử dụng các nguồn nguyên vật liệu này nói chung và Tổng Công ty nói riêng.

Để đối phó với vấn đề này Tổng Công ty đã luôn tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý chi phí sản xuất kinh doanh, tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý phù hợp, đưa ra các biện pháp xử lý linh hoạt và kịp thời nhằm tối thiểu hóa chi phí và giảm thiểu ảnh hưởng của yếu tố lạm phát đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

### 6.4. Rủi ro môi trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, rủi ro do tác động xấu của môi trường,... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Tổng Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Tổng Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những

rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Về tổng quan trong năm qua, chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của các công ty thành viên và toàn Tổng công ty đều có sự tăng trưởng rõ nét. Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2016 của GELEX là 7.297 tỷ đồng, giảm 13% so với mức 8.382 tỷ đồng năm 2015, nguyên nhân giảm chính một số đơn vị gồm THIBIDI, Bơm Hải Dương, VINAKIP không còn là công ty con của GELEX, không được hợp nhất báo cáo tài chính vào GELEX. Công ty Cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) chuyển thành công ty liên kết của GELEX (GELEX nắm 43,44%) từ tháng 7/2015, đến tháng 12/2016 GELEX mới hoàn tất việc mua cổ phần phát hành thêm nâng tỉ lệ sở hữu tại THIBIDI lên 70,79%. Trong phần lớn năm 2016, THIBIDI là công ty liên kết của GELEX. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của GELEX phần lớn phản ánh THIBIDI là công ty liên kết, không hợp nhất doanh thu. Nếu tính cả doanh thu toàn năm của THIBIDI thì tổng doanh thu hợp nhất năm 2016 của GELEX là 9.814 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của GELEX đạt 579 tỷ đồng, tăng 27,08% so với mức 456 tỷ đồng của năm 2015. Tổng doanh thu thuần công ty mẹ đạt 1.289 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 305 tỷ đồng, tăng 22% so với mức 250 tỷ đồng năm 2015.

✓ Các chỉ tiêu hợp nhất

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2015	THỰC HIỆN 2016
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.918	8.785
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.383	7.297
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	456	579
4	Lợi nhuận sau thuế thuộc về công ty mẹ	Tỷ đồng	321	462
5	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	267	403

✓ Các chỉ tiêu của Công ty mẹ

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN 2015	KẾ HOẠCH 2016	THỰC HIỆN 2016
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.350	1.400	1.289
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	283	260	334
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	250	235	306
4	Tỷ lệ chia cổ tức	Tỷ đồng	10%	10%	Dự kiến 10%

5	Thu nhập bình quân của người lao động	Triệu đồng/ng	9,8	10	12,4
6	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	62	70	81

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Ban điều hành, Giám đốc Tài Chính, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
1	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	1984
2	Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc	1971
3	Vũ Thanh Hương	Giám đốc Tài Chính	1973
<b>Kế toán trưởng</b>			
1	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng	1976

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng

#### ▪ Ông Nguyễn Văn Tuấn – Tổng giám đốc

Giới tính: Nam  
 Ngày tháng năm sinh: 06/03/1984  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại Quốc tế, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 12/2013 – nay Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Hạ tầng Fecon
- 07/8/2014 – 23/5/2016 Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Chứng khoán IB
- 08/7/2014 – 24/5/2016 Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Quản lý quỹ IB
- 03/2016 – nay Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Đường sông Miền Nam
- 21/04/2016 – nay Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Kho vận Miền Nam
- 16/07/2016 – nay Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- 6/9/2016 – nay Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP

Thiết bị điện Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Hạ tầng Fecon  
Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đường sông Miền Nam  
Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kho vận Miền Nam

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

▪ **Ông Nguyễn Đình Hùng – Phó Tổng giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 23/03/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử viễn thông

Quá trình công tác:

- 08/1993 – 12/1995 Kỹ sư tổng đài điện tử - Công ty Viễn thông quốc tế VNPT
- 12/1995 – 09/2002 Giám đốc Kinh doanh tại Việt Nam – Tập đoàn Fujitsu Limited Nhật Bản
- 08/2002 – 09/2005 Trưởng đại diện VN, Lào, Campuchia Tập đoàn Viễn thông Reach Global Services Ltd Hong Kong
- 09/2005 – 12/2007 Trưởng đại diện VN Tập đoàn Viễn thông Telenor, Na Uy
- 12/2007 – 09/2009 Phó Tổng giám đốc Công ty CP FPT Telecom
- 09/2009 – 12/2010 Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Viễn thông Hà Nội
- 12/2010 – 11/2012 Tổng giám đốc Khu vực Đông Dương và Myanmar, Tập đoàn Juniper Networks Hoa Kỳ
- 12/2012 – 03/2013 Tư vấn chiến lược đầu vào VN trong ngành viễn thông và CNTT
- 03/2013 – 05/2014 Giám đốc khu vực Asean Tập đoàn Transcosmos inc, Nhật Bản
- 06/2014 – 11/2015 Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chiến lược Công ty TNHH Transcosmos VN

- 11/2015 – 05/2016 Tổng giám đốc Khu vực Đông Dương Công ty Công nghệ tài chính GlobeOne inc, Hoa Kỳ
- 05/2016 – nay Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH CADIVI Miền Bắc
- 07/2016 – nay Thành viên HĐQT Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam
- 08/2016 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai
- 09/2016 – nay Phó Tổng giám đốc thứ nhất – Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- 09/2016 – nay Thành viên HĐQT Công ty CP chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 10/2016 – nay Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV GELEX-EMIC.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH CADIVI Miền Bắc
- Thành viên HĐQT Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai
- Thành viên HĐQT Công ty CP chế tạo Điện cơ Hà Nội
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV GELEX-EMIC

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

▪ **Bà Vũ Thanh Hương – Giám đốc Tài chính**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/08/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

- 08/1994 - 03/1995 Kế toán tổng hợp Công ty Coco International
- 04/1995 – 06/2000 Kiểm toán viên cao cấp của Công ty Kiểm toánVN VACO (nay là Deloitte VN)
- 06/2000 – 06/2002 Kế toán trưởng Công ty liên doanh SAS CTAMAD

- 07/2002 - 06/2006                           Làm partner và là Phó GD Công ty TNHH kiểm toán Atic VN
- 06/2006 – 12/2009                           Giám đốc tài chính của Gold Sun Billboard
- 01/2010 – 08/2013                           Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty CP Y học Rạng Đông
- 10/2013 – 03/2014                           Tổng giám đốc lực lượng TM của Tập đoàn CT
- 04/2014 – 06/2014                           Phó Tổng giám đốc phụ trách vận hành Công ty quản lý và kinh doanh BĐS Vinhomes
- 07/2014 – 12/2014                           Tư vấn tài chính và quản trị kinh doanh độc lập
- 01/2015 – 03/2016                           Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- 04/2015 – nay                                   Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thiết bị điện
- 03/2016 – 09/2016                           Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- 03/2016 – nay                                   Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam
- 09/2016 – nay                                   Giám đốc Tài chính Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:                           Trưởng BKS – Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam  
Trưởng BKS – Công ty CP Thiết bị điện

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:                           0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

▪ **Ông Phạm Tuấn Anh – Kế toán trưởng**

Giới tính:   Nam  
Ngày tháng năm sinh:                           03/11/1976  
Quốc tịch:   Việt Nam  
Dân tộc:    Kinh  
Trình độ văn hóa:                               12/12  
Trình độ chuyên môn:                           Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác:

- 02/1999-03/2005 Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
- 04/2005-08/2010 Phó Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
- 09/2010-10/2010 Phó Phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- 11/2010-10/2011 Phó Phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- 11/2011-nay Kế toán trưởng Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari

Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 1.300 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ

## 2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2016:

- Ngày 28/04/2016 Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam có Quyết định điều động Ông Đỗ Văn Chính – Phó Tổng Giám đốc về nhận nhiệm vụ mới tại Công ty CP chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari.

- Ngày 01/07/2016 Ông Phạm Mạnh Hà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

- Ngày 01/09/2016 HĐQT có Quyết định điều động Ông Nguyễn Tiến Vinh – Phó Tổng Giám đốc GELEX về nhận nhiệm vụ mới tại Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện và Ông Phạm Mạnh Hà – Phó Tổng Giám đốc về nhận nhiệm vụ mới tại Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội.

- Ngày 06/09/2016 Hội đồng quản trị GELEX bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Tuấn làm Tổng giám đốc – Người đại diện theo pháp luật thay thế Ông Nguyễn Trọng Tiếu.

- Ngày 16/09/2016 Ông Nguyễn Đình Hùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc thứ nhất Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, Bà Vũ Thanh Hương giữ chức vụ Giám đốc Tài chính

## 2.3. Công tác tổ chức nhân sự, lao động tiền lương và thực hiện các chế độ với người lao động



Tại thời điểm 31/12/2016 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam có 78 CBCNV. Năm 2016, công tác tiền lương tại GELEX đã được thực hiện bài bản hơn. Tổng công ty và một số đơn vị thành viên đã kịp thời bổ sung, sửa đổi và ban hành Quy chế trả lương mới theo hướng tăng lên đáp ứng yêu cầu quản lý thực tế của Tổng công ty hiện nay, tạo động lực tích cực tới người lao động; hướng tới mục đích trả lương công bằng, theo đúng mức độ đóng góp của từng người lao động. Tiền lương hàng tháng được thanh toán đúng hạn. Thu nhập bình quân của người lao động toàn GELEX năm 2016 là 12.456 triệu đồng/người/tháng.

Về các chế độ với người lao động, GELEX thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho người lao động. Tổng công ty cũng chi trả đầy đủ cho công tác chữa bệnh nghề nghiệp, tổ chức đoàn an dưỡng, thường xuyên chăm lo công tác y tế, cấp phát thuốc cho CBCNV, trang bị bảo hộ lao động, đã tổ chức khám sức khỏe định cho toàn bộ người lao động.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### *3.1. Đầu tư vốn tại các đơn vị thành viên*

Năm 2016 GELEX đã tái cấu trúc lại bộ máy Tổng Công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động đầu tư chiến lược và quản lý vốn đầu tư. Tổng Công ty mẹ tập trung hiệu quả hơn vào các chức năng định hướng chiến lược, kế hoạch cho công ty con; Hỗ trợ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phối kết hợp giữa các đơn vị trong Tổng Công ty; Theo dõi, giám sát hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên; Thực hiện hoạt động đầu tư chiến lược; Phát triển thương hiệu chung, xây dựng và phát triển quan hệ với đối tác, với cơ quan quản lý. Cụ thể như sau:

- ✓ Trong năm Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng. Tổng công ty mua thêm 510.305 cổ phần tương đương với 6.123.660.000 đồng. Điều này dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng công ty giảm từ 51,3% xuống 49,24%. Công ty CP khí cụ điện 1 trở thành công ty liên kết của GELEX.
- ✓ Tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng GELEX (GELEX ICC) với số tiền là 13 tỷ đồng, chiếm 81,25% vốn điều lệ.
- ✓ Năm 2016, Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội đã phát hành thành công cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu với số lượng cổ phiếu phân phối là 4.550.000 cổ phiếu. Do số lượng cổ phiếu để trả cổ tức không được xác định cho số lượng cổ phiếu quỹ tại Công ty con dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của GELEX tại HEM tăng từ 65,84% lên 65,88%.
- ✓ Thoái toàn bộ 1.793.758 cổ phần tại Công ty cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương. Do đó, Công ty CP chế tạo Bơm Hải Dương không còn là công ty con của GELEX.

- ✓ Thoái toàn bộ 450.000 cổ phần của Công ty cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội do Tổng công ty nắm giữ.
- ✓ Thành lập Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện (GELEX EMIC), GELEX góp vốn 368 tỷ đồng, chiếm 100% tổng số vốn điều lệ.
- ✓ Thành lập Công ty TNHH một thành viên Năng lượng GELEX với số vốn điều lệ 500 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2016 số vốn Tổng công ty đã góp là 220 tỷ đồng.
- ✓ Năm 2016, Tổng công ty đã mua bổ sung thêm 2.800.000 cổ phần của CADIVI dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng công ty tăng từ 65,006% lên 74,73%.
- ✓ Tăng tỷ lệ nắm giữ tại Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) từ 43,44% lên 70,79% thông qua việc mua bổ sung 26.727.705 cổ phần THIBIDI. Công ty cổ phần Thiết bị điện trở thành công ty con của GELEX.
- ✓ Thực hiện mua 21.300.000 cổ phần của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam, tỷ lệ nắm giữ là 24,93% tổng số vốn điều lệ.

### 3.2. Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất

Với mục đích tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, Tổng công ty đã nhìn nhận rõ cách thức căn bản nhất là cần phải đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ và tập trung phát triển sản phẩm mới. Cụ thể như sau:

- ✓ Trong năm 2016, CADIVI đã hoàn thành dự án Nhà máy sản xuất dây cáp điện- Giai đoạn 2 tại KCN Tân Phú Trung, dự kiến hoàn thành di dời thiết bị từ các cơ sở sản xuất Nhà máy CADIVI Sài Gòn trong quý 2 năm 2017. GELEX cũng đã xúc tiến công tác đầu tư các dự án quan trọng khác để nâng cao năng lực sản xuất thiết bị điện ở các Đơn vị thành viên trong toàn hệ thống như đầu tư nâng cao năng lực sản xuất động cơ – Xưởng lắp ráp ở HEM, đầu tư xây dựng nhà máy mới, đăng cấp quốc tế của THIBIDI...
- ✓ Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN - khách hàng chủ lực của Tổng công ty đang tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng lưới điện thông minh đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở này, năm 2016, GELEX-EMIC đã đẩy mạnh công tác nghiên cứu thiết kế sản phẩm công tơ điện tử thông minh và đã có những bước tiến quan trọng. Đã có thêm 06 loại công tơ điện tử 1 pha, 3 pha thông minh đa chức năng GELEX với chất lượng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt của Tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN, được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng phê duyệt mẫu, được lắp đặt thử nghiệm trên lưới điện.
- ✓ CADIVI đã hoàn thành thử nghiệm cáp siêu nhiệt lõi composite ACCC 223 Copenhagen, cải tiến chất lượng các dòng dây dân dụng, một số dòng cáp đặc thù đã chế thử thành công. Năm 2017 CADIVI sẽ nghiên cứu chế tạo các dòng sản phẩm mới chất lượng cao như đèn LED, ổ cắm âm tường...

- ✓ THIBIDI đã nghiên cứu, chế tạo thành công Máy biến áp phân phối 3 pha – Amorphous (Máy biến áp lõi tôn vô định hình hiệu suất cao) trong dự án sử dụng hiệu quả, nâng cao hiệu suất tiêu thụ, giảm tổn thất điện năng, giảm lượng khí thải CO<sub>2</sub> ra môi trường. Xu hướng đầu tư cho các sản phẩm tiết kiệm năng lượng vừa giúp nâng cao hiệu quả sản phẩm, tạo uy tín cho thương hiệu THIBIDI cũng như bắt kịp mục tiêu quốc gia về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên doanh liên kết năm 2016

STT	Tên Công ty	Đơn vị	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	LN trước thuế	LN sau thuế
1	Công ty CP Dây và Cáp điện VN (CADIVI)	VNĐ	2.187.736.150.345	5.631.051.579.662	304.410.593.168	239.371.805.384
2	Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM)	VNĐ	732.969.842.717	682.926.523.306	75.346.024.939	68.163.294.895
3	Công ty TNHH GELEX CAMPUCHIA (USD)	USD	1.354.232,96	6.161.186,50	216.061,53	157.874,72
4	Công ty CP Đầu tư Xây dựng GELEX	VNĐ	33.769.608.727	20.794.264.938	666.551.730	529.250.339
5	Công ty CP Thiết bị điện (THIBIDI)	VNĐ	1.741.315.243.212	2.535.063.132.476	277.707.819.775	210.536.994.625
6	Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	VNĐ	509.390.683.653	209.871.099.744	75.343.350.853	58.699.385.773
7	Công ty cổ phần kho vận Miền Nam	VNĐ	2.289.580.699.958	1.257.809.100.020	130.689.768.947	111.455.337.859
8	Công ty Dây đồng VN CFT (USD)	VNĐ	1.466.702.853.594	4.582.704.556.192	52.917.238.621	45.281.340.493
9	Công ty CP Khí cụ điện I (VINAKIP)	VNĐ	125.884.587.833	300.018.694.206	17.532.293.106	14.002.771.654
10	Công ty CP Chế tạo máy điện VN-HGR (VIHEM)	VNĐ	81.229.650.713	186.350.568.793	7.971.679.309	7.971.679.309
11	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	VNĐ	66.277.749.037	279.971.126.135	9.409.392.636	7.516.616.174

**Ghi chú:** Số liệu được lấy trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 các đơn vị thành viên của GELEX

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1 Tình hình tài chính

✓ Tình hình tài chính tại Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ tăng giảm năm 2016 so với năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	2.352.471.025.216	5.415.139.492.276	130,19%
2	Nợ phải trả	397.423.826.482	3.326.735.731.050	737,08%
3	Doanh thu thuần	1.350.076.071.401	1.289.111.075.441	-4,52%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	283.173.868.393	335.098.294.206	18,34%
5	Lợi nhuận khác	-23.027.724	-1.089.091.824	-4629,48%
6	Lợi nhuận trước thuế	283.150.840.669	334.009.202.382	17,96%
7	Lợi nhuận sau thuế	249.651.441.276	305.506.529.160	22,37%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	10%	Dự kiến 10%	100,00%

✓ Tình hình tài chính hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ tăng giảm năm 2016 so với năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	4.917.504.291.231	8.785.145.866.086	78,65%
2	Nợ phải trả	1.924.215.058.500	5.508.403.128.098	186,27%
3	Doanh thu thuần	8.382.707.442.896	7.297.113.334.868	-12,95%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	571.328.714.749	720.412.451.385	26,09%
5	Lợi nhuận khác	3.073.915.543	-20.770.401.386	-775,70%
6	Lợi nhuận trước thuế	574.402.630.292	699.642.049.999	21,80%
7	Lợi nhuận sau thuế	455.996.485.892	579.495.217.303	27,08%

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại công ty mẹ:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	3,69	1,77
	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,23	1,77

<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	16,89%	61,43%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	20,33%	159,30%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,20	15,46
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	57,39%	23,81%
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,18	0,24
	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,13	0,15
	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	Lần	0,11	0,06
	Hệ số LN từ hoạt động KD/DT thuần	Lần	0,21	0,26

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

✓ *Tại thời điểm 31/12/2016:*

- Tổng số cổ phần của GELEX: 155.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 500.000 cổ phần

✓ *Đến ngày 23/01/2017, Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng:*

- Tổng số cổ phần của GELEX: 232.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 7.120.101 cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày 20/01/2017
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 500.000 cổ phần.

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách ngày 25/10/2016

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá	Tỷ lệ (%)
			(cổ phần)	(VND)	
I	Cổ đông trong nước	1.365	145.206.600	1.452.066.000.000	93,68%

1	Cổ đông tổ chức	39	98.391.146	983.911.460.000	63,48%
2	Cổ đông cá nhân	1.326	46.815.454	468.154.540.000	30,20%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>16</b>	<b>9.293.400</b>	<b>92.934.000.000</b>	<b>6,00%</b>
1	Cổ đông tổ chức	10	9.242.700	92.427.000.000	5,96%
2	Cổ đông cá nhân	6	50.700	507.000.000	0,04%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>1</b>	<b>500.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>0,32%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.382</b>	<b>155.000.000</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>100%</b>

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

Các tổ chức chính trị xã hội trong các Doanh nghiệp thuộc hệ thống GELEX được tôn trọng, quan tâm và tạo mọi điều kiện để hoạt động theo qui định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Tổng công ty và Nội quy lao động.

Các đơn vị thực hiện triệt để tiết kiệm vật tư, nguyên vật liệu từ khâu quản lý, thu mua, giao nhận, bảo quản, bảo vệ đến điều phối vật tư trong cơ cấu sản phẩm. Ngoài ra GELEX luôn nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý.

Bên cạnh đó, GELEX luôn nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước về môi trường, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, hiệu quả cho cán bộ công nhân viên.

Năm 2016, GELEX tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên tích cực tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao. Cụ thể đã tổ chức Giải bóng đá GELEX Cup 2016, Golf Friendship Tourement 2016... Công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, xây nhà tình nghĩa, quyên góp ủng hộ đồng bào nghèo tiếp tục được thực hiện nhiệt tình và hiệu quả.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 Tổng Công ty tập trung vào hai nhiệm vụ chính là tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty mẹ và các công ty con, công ty liên doanh liên kết và thực hiện nhiệm vụ tái cấu trúc Tổng Công ty mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016 cụ thể như sau:

#### 1.1. Ngành hàng dây và cáp điện CADIVI

Năm 2016 giá đồng, kim loại màu LME liên tục tăng giảm thất thường theo xu hướng tăng, diễn biến phức tạp, nguồn hàng khan hiếm. Thị trường dây và cáp điện cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tỷ giá USD tăng vào cuối năm (tăng 2%) làm ảnh hưởng đến chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu. Ngoài ra CADIVI có những khó khăn nội tại do cơ sở sản xuất nằm ở nhiều nơi, vấn đề di dời nhà máy ra khỏi nội thành, ... làm ảnh hưởng đến chi

phí sản xuất, chi phí vận chuyển. Sự chậm trễ trong việc chấm thầu của ngành điện lực cũng khiến cho các đơn hàng được trúng vào cuối năm, khi giá đồng tăng cao đột biến giảm sút biên lợi nhuận.

Tuy nhiên, với sự điều hành quyết liệt của GELEX và Ban điều hành CADIVI đã giúp CADIVI giữ vững thị phần. Kết quả SXKD năm 2016 của CADIVI, tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 5.631 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2015 là 5.667 tỷ đồng tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 239 tỷ đồng, tăng 40,5% so với mức 170 tỷ đồng năm 2015.

## 1.2. Ngành hàng máy biến áp THIBIDI, HEM

### ✓ Ngành hàng máy biến áp THIBIDI

Sản phẩm máy biến thế THIBIDI năm 2016 bị cạnh tranh gay gắt bởi các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Giá vật tư nguyên liệu liên tục thay đổi ở mức cao, việc lựa chọn vật tư nguyên liệu ở phẩm cấp cao nhất để đảm bảo chất lượng dẫn đến giá thành sản xuất cao. Các nhà sản xuất trong khu vực đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, áp dụng chính sách chiết khấu thương mại linh hoạt, nhiều phương thức cạnh tranh không lành mạnh gây ảnh hưởng đến công tác tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, với cam kết kiên định về chất lượng sản phẩm, giá trị thương hiệu mạnh, công nghệ tiên tiến và đội ngũ kỹ thuật kinh nghiệm, lành nghề, chỉ sử dụng vật tư nguyên liệu đầu vào cấp cao nhất, dịch vụ sau bán và bảo hành tốt, THIBIDI vẫn khẳng định được uy tín thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

Năm 2016 THIBIDI có bước tăng trưởng rất ấn tượng với tổng doanh thu thuần đạt 2.535 tỷ đồng, tăng 26,6% so với mức 2.002 tỷ đồng năm 2015, lợi nhuận sau thuế đạt 210 tỷ đồng, tăng 31,2% so với mức 160 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.

### ✓ Ngành hàng máy biến áp HEM

Ngành hàng máy biến thế khu vực phía Bắc chịu sự cạnh tranh gay gắt với khoảng gần 20 Nhà sản xuất có nhiều ưu thế cạnh tranh như ABB, HANAKA, Thiết bị điện Đông Anh và nhiều công ty quy mô nhỏ cơ chế linh hoạt, bộ máy gọn nhẹ, giá thành thấp. Tiêu chuẩn máy biến áp không đồng nhất, mỗi khu vực, mỗi dự án áp dụng tiêu chuẩn riêng nên khó khăn cho công tác thiết kế và khó khăn cho việc tối ưu hóa sản xuất. Giá vật tư có nhiều biến động trong năm 2016, đặc biệt là vào dịp cuối năm tạo áp lực cạnh tranh rất lớn về giá bán đối với ngành hàng máy biến áp của HEM. Với chính sách bán hàng linh hoạt, tiếp cận khách hàng và thị trường phù hợp với mức giá và khả năng sản xuất, máy biến áp thương hiệu HEM đã có chỗ đứng trên thị trường, được khách hàng tin cậy, đặc biệt là máy biến áp khôi phục vụ quá trình đô thị hoá ở Hà Nội. HEM đã trúng thầu cung cấp một số gói thầu giá trị cao cho EVN, bước đầu mở rộng thị trường ra khu vực phía Nam và miền Trung, thị trường máy biến áp amouphous.

Năm 2016 Doanh thu thuần hợp nhất của HEM đạt gần 683 tỷ đồng tăng 20 % so với mức 567 tỷ đồng cùng kỳ 2015 và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 68 tỷ đồng tăng 19% so với mức 57 tỷ đồng cùng kỳ năm 2015.

### *1.3. Ngành hàng thiết bị đo điện EMIC*

Ngày 1/9/2016 để tách bạch giữa hoạt động quản lý đầu tư và quản lý sản xuất kinh doanh thiết bị đo điện, Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện (GELEX EMIC) được thành lập với 100% vốn sở hữu của GELEX chuyên sản xuất kinh doanh các loại thiết bị đo điện thương hiệu GELEX-EMIC bao gồm: công tơ điện và điện tử, máy biến áp, biến dòng điện trung hạ thế, đồng hồ volt, ampe các loại.

Từ năm 2016 không còn các gói thầu công tơ cơ khí của 05 Tổng công ty phân phối thuộc EVN, Công tơ cơ khí chủ yếu bán lẻ và một số gói thầu sử dụng vốn dư của dự án điện nông thôn nên số lượng nhỏ. Vì vậy việc chấm dứt sản xuất công tơ cơ là xu hướng tất yếu, bất khả kháng. Cùng với việc thu hẹp đến 90% sản lượng công tơ cơ là vấn đề việc làm và thu nhập cho người lao động. Công nhân nhiều năm kinh nghiệm và quen thuộc với sản xuất công tơ cơ nay phần lớn buộc phải chuyển sang các công việc khác và học việc từ đầu. Ngoài ra, các tài sản gồm nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất công tơ cơ không sử dụng nhưng hàng tháng vẫn phải khấu hao cũng ảnh hưởng đến chi phí sản xuất. Trước bối cảnh này, GELEX-EMIC định hướng trở thành công ty công nghệ cao với các sản phẩm điện tử thông minh. Tuy nhiên đặc tính kỹ thuật của EVN về công tơ điện tử liên tục thay đổi, sản phẩm công nghệ cao và nhanh lỗi thời. Đồng thời ngày càng có nhiều nhà cung cấp công tơ điện tử Trung quốc giá rẻ tham gia thị trường tạo áp lực rất lớn đến thị phần và lợi nhuận của EMIC.

Là nhà sản xuất mới trên thị trường công tơ điện tử, sản phẩm của GELEX-EMIC vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện với mục tiêu ổn định công nghệ, ổn định chất lượng, tổ chức sản xuất tốt đáp ứng yêu cầu EVN. Trong năm qua, GELEX EMIC đã nghiên cứu, sản xuất thành công thêm 06 loại công tơ điện tử 1 pha, 3 pha thông minh đa chức năng với chất lượng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng phê duyệt mẫu, được lắp đặt thử nghiệm trên lưới điện.

Doanh thu thuần năm 2016 của EMIC (từ 01/9/2016 – 31/12/2016) là 209,8 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt gần 58,7 tỷ đồng.

### *1.4. Ngành hàng động cơ điện HEM, VIHEM*

#### ✓ Ngành hàng động cơ điện HEM

Sản phẩm động cơ điện của HEM cạnh tranh gay gắt trên thị trường, do có nhiều nhà sản xuất, đối thủ cạnh tranh tiềm năng hiện nay đã phát triển trên thị trường động cơ điện cỡ nhỏ như Minh Motor, Trần Hưng Đạo, VTC, Toàn Phát... Các nhà sản xuất này cung cấp sản phẩm ở phân khúc công suất nhỏ, giá rẻ, có tính cạnh tranh lớn về giá trên thị trường. Lĩnh vực động cơ lớn cạnh tranh khốc liệt với động cơ của Trung Quốc và các hãng khác sản xuất tại Trung Quốc có mẫu mã đẹp, giá rẻ. Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa công nghiệp có sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường, đặc biệt là cạnh tranh về giá và chế độ chăm sóc khách hàng. Năm 2016 có nhiều dấu hiệu các đơn vị có quy mô nhỏ tham gia lĩnh vực bảo dưỡng sửa chữa động cơ điện trong các ngành công nghiệp.



Lợi thế cạnh tranh của HEM vẫn là thương hiệu tin cậy với nhiều đơn vị sản xuất công nghiệp, lắp ráp máy công – nông nghiệp, máy khai thác. HEM có hệ thống đại lý lớn ở nhiều khu vực và các tỉnh thành trong cả nước. Năng lực sản xuất, năng lực thực hiện dịch vụ bảo dưỡng công nghiệp được chú trọng đầu tư trong thời gian qua, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức sản xuất đáp ứng nhiều chủng loại sản phẩm, nhiều yêu cầu dịch vụ khác nhau của thị trường. Sản phẩm động cơ điện HEM vẫn giữ được uy tín trên thị trường. Đặc biệt là khu vực phía nam, sản phẩm động cơ điện ngày càng được các khách hàng lớn lựa chọn. Khu vực phía Bắc, Công ty đã chiếm lĩnh được thị trường trọng điểm làm tăng trưởng doanh thu đối với ngành hàng động cơ nhỏ. Năm 2016 số lượng động cơ chủ yếu HEM sản xuất được 16.380 chiếc đạt 102,1% so với cùng kỳ năm ngoái, động cơ chủ yếu tiêu thụ được 16.059 chiếc tương đương 102,9% so với năm 2015.

#### ✓ Ngành hàng động cơ điện VIHEM

Năm 2016, VIHEM gặp rất nhiều khó khăn về biến động giá cả các loại vật tư nguyên nhiên liệu đầu vào, sự xuất hiện ngày càng nhiều xưởng lắp ráp động cơ trong nước và hàng nhập khẩu động cơ Trung Quốc giá rẻ, chất lượng kém, động cơ đã qua sử dụng nhập khẩu... làm áp lực cạnh tranh khốc liệt. Tuy động cơ điện VIHEM tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng có dán tem nhận biết nhưng hàng giả, hàng nhái kiểu dáng nhãn mác của VIHEM diễn ra phức tạp chưa có cơ chế kiểm soát, quản lý. Chính sách kiểm soát dán tem sản phẩm tiết kiệm năng lượng chưa được thực thi đồng bộ dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh giữa sản phẩm VIHEM và hàng trôi nổi, kém chất lượng. Tuy vậy sản phẩm động cơ điện thương hiệu VIHEM vẫn giữ được uy tín và sự tin nhiệm với các khách hàng, duy trì được nhịp độ sản xuất tạo được công ăn việc làm và thu nhập cho CBCNV.

Năm 2016 doanh thu thuần VIHEM đạt 186 tỷ đồng đạt 95,3 % so với thực hiện 2015 và 103,3% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 7,9 tỷ đồng, giảm lỗ lũy kế xuất phát từ hoạt động kinh doanh năm 2015 còn 51 tỷ đồng đến hết năm 2016.

#### 1.5. Ngành hàng khí cụ điện VINAKIP

Với bề dày 50 năm chuyên sản xuất, chế tạo các thiết bị đóng cắt, điều khiển và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp sản phẩm khí cụ điện VINAKIP gồm thiết bị APTOMAT 1cực, 2cực, 3cực ; cầu dao hộp có gam dòng từ 100A đến 3.000A, khởi động từ có gam dòng từ 10A đến 400A; cầu dao cách ly 12kV, 24kV & 35kV, thiết bị điện dân dụng như cầu dao để sứ; Ballast 20W đến 400W; công tắc, ổ cắm, bảng điện, giá đèn các loại đạt tiêu chuẩn Việt nam và quốc tế tương đương.

Năm 2016 giá các loại nguyên liệu đều tăng nhất là kim loại màu, nhựa, tổng nhu cầu thị trường về khí cụ điện giảm trong khi VINAKIP luôn phải cạnh tranh với những sản phẩm của các hợp tác xã, các tổ hợp sản xuất cá thể, hàng Trung quốc chất lượng thấp nhưng giá rẻ dẫn đến số lượng thành phẩm tồn kho lớn, công tác bán hàng tiêu thụ sản phẩm

gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên VINAKIP đã tập trung tìm giải pháp thúc đẩy sản xuất, phát triển thị trường nên đã hoàn thành 100% các chỉ tiêu kế hoạch.

Năm 2016, tổng doanh thu thuần của VINAKIP đạt 300 tỷ đồng, tăng 5,2% so với mức 285 tỷ đồng của năm 2015, lợi nhuận sau thuế đạt 14 tỷ đồng, tăng 11% so với mức 12 tỷ đồng năm 2015.

## **2. Tình hình tài chính**

- Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về Phương án tái cấu trúc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Năm 2016, GELEX đã tiến hành phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và trái phiếu kèm chứng quyền, kết quả phát hành như sau:

- + Huy động vốn từ phát hành cổ phiếu: Kế hoạch huy động là **1.390,5 tỷ** số tiền huy động được thực tế là **1.386 tỷ**. (Hoàn tất ngày 23/01/2017)
- + Huy động vốn từ phát hành trái phiếu kèm chứng quyền: Kế hoạch huy động là **2.000 tỷ** tính theo mệnh giá, kết quả phát hành thực tế huy động được **1.800 tỷ** trái phiếu tính theo mệnh giá.

- Công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản được thực hiện tốt, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của cổ đông. Về công tác quản lý tài chính, ngoài việc điều tiết và sử dụng hợp lý nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, dòng tiền được lưu chuyển quay vòng ổn định, chi phí tài chính được tiết kiệm bằng việc tìm vốn vay giá rẻ v.v... nguồn vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên cũng được giám sát chặt chẽ, hiệu quả.

- Chi tiết tình hình Tài sản, nợ phải trả được trình bày trong Mục 4 Phần II

- Công tác kế toán tiếp tục được duy trì tốt, quản lý chặt chẽ, các Báo cáo tài chính định kỳ được lập chính xác, đảm bảo nghĩa vụ công bố thông tin theo qui định. Tình hình tài chính lành mạnh, phát triển bền vững, lâu dài.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Năm 2016, một loạt các quy chế, quy định quản trị nội bộ trong toàn hệ thống GELEX được kiện toàn, xây dựng, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với cơ cấu sở hữu, mô hình quản trị mới GELEX Group như: Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành, Hệ thống phân cấp thẩm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành Tổng Công ty, Quy chế Tổ chức hoạt động của Phòng Ban chức năng Tổng Công ty, Quy chế tài chính, Quy chế mua sắm và quản lý tài sản, Quy chế chi tiêu nội bộ... Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã xây dựng và chuẩn bị ban hành các quy chế quản trị nội bộ khác như Quy chế Người đại diện vốn của GELEX tại Doanh nghiệp... nhằm quy định và thống nhất cơ chế quản lý phần vốn góp, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn của GELEX tại các doanh nghiệp.

Từng Đơn vị thành viên trong hệ thống GELEX cũng đã, đang và sẽ tập trung kiện toàn hệ thống quy chế, quy định về quản trị doanh nghiệp. Sự sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy chế, quy định nội bộ đã và sẽ góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị theo hướng chặt chẽ và phù hợp hơn với yêu cầu thực tế.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

##### *4.1. Đối với lĩnh vực thiết bị điện*

###### **✓ Định hướng hoạt động đối với CADIVI**

- Tập trung xây dựng CADIVI thành đơn vị lớn, chủ lực về dây cáp điện, khí cụ điện của Tổng Công ty. Thương hiệu CADIVI sẽ là thương hiệu chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực dây cáp điện, khí cụ điện, thiết bị điện gia dụng.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ và sản phẩm mới, thúc đẩy hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, EU để nhận chuyển giao công nghệ, bản quyền sản phẩm hướng tới tạo ra các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.
- Mở rộng thị trường, tăng cường phát triển thị trường xuất khẩu sang các nước trong khu vực.
- Tìm kiếm, thực hiện đầu tư chiến lược dài hạn vào các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực kinh doanh để từ đó tăng quy mô, tăng thị phần của doanh nghiệp.

###### **✓ Định hướng hoạt động đối với THIBIDI**

- Phát triển THIBIDI thành đơn vị chủ lực và thương hiệu chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực máy biến thế.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ và phát triển sản phẩm mới. Tập trung phát triển máy biến thế phân phối phân khúc 25 – 25 KV. Đầu tư phát triển sản xuất máy biến thế Amorphous (máy biến áp lõi tôn vô định hình hiệu suất cao). Thúc đẩy hợp tác với các đối tác chiến lược Nhật Bản, Hàn Quốc ... để sản xuất máy biến thế tại các phân khúc 110 – 220 – 500 KV nhằm đa dạng hóa sản phẩm, ngành hàng.
- Mở rộng thị trường, tăng cường phát triển thị trường xuất khẩu sang các nước trong khu vực.
- Tìm kiếm, thực hiện đầu tư chiến lược dài hạn vào các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực kinh doanh để từ đó tăng quy mô, tăng thị phần của doanh nghiệp.

###### **✓ Định hướng hoạt động với GELEX EMIC**

- GELEX-EMIC định hướng trở thành công ty công nghệ cao với các sản phẩm điện tử thông minh, hợp tác với các doanh nghiệp lớn trên thế giới để sản xuất công tơ thông minh, DCU để kết nối với hệ thống HEAD.

- Hướng tới việc cung cấp giải pháp tổng thể để thu thập dữ liệu điện, cung cấp dịch vụ trọn gói về thu thập dữ liệu cho ngành điện.
- Mở rộng thị trường, tăng cường phát triển thị trường xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

✓ ***Định hướng hoạt động đối với HEM***

- Phát triển HEM thành đơn vị chủ lực và thương hiệu chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực động cơ điện và các dịch vụ liên quan đến động cơ điện
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu công nghệ và sản phẩm mới, thúc đẩy hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, EU để chuyển giao công nghệ, bản quyền sản phẩm hướng tới tạo ra các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, chủng loại đa dạng, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.
- Mở rộng thị trường, tăng cường phát triển thị trường xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

✓ ***Định hướng hoạt động đối với VINAKIP, HEM***

VINAKIP và VIHEM sẽ tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực sản xuất, trở thành đơn vị chuyên sâu gia công sản xuất các sản phẩm cho các đơn vị khác trong Tổng Công ty.

✓ ***Định hướng trong xây dựng hệ thống kênh phân phối***

- rà soát, sắp xếp lại hệ thống bán hàng hiện tại của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên, hướng tới phát triển hệ thống đại lý bán hàng mạnh cho toàn bộ Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Việc bán hàng qua đại lý sẽ là nòng cốt và chiếm tỉ trọng lớn nhất trong việc tiêu thụ sản phẩm của toàn bộ Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.
- Phát triển hệ thống đại lý bán hàng phân phối tổng thể toàn bộ các sản phẩm của hệ thống GELEX, khắc phục tình trạng phân tán như hiện nay.

**4.2. Đối với lĩnh vực năng lượng, tiện ích**

- Đầu tư vào lĩnh vực nguồn phát điện theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua, tập trung vào thủy điện, năng lượng tái tạo như điện gió, năng lượng mặt trời.
- Đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch cho sản xuất và tiêu dùng, cùng với điện năng, đây là lĩnh vực có nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.
- Việc đầu tư có thể thông qua việc phát triển dự án mới hoặc thông qua hoạt động đầu tư chiến lược dài hạn vào các doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

**4.3. Đối với lĩnh vực Logistics**

- SOTRANS là đầu mối và thương hiệu chính trong hoạt động kinh doanh logistics của Tổng Công ty. Phát triển SOTRANS thành doanh nghiệp với chuỗi logistics khép kín,

đủ các dịch vụ như dịch vụ giao nhận hàng hoá, vận tải, lưu kho, lưu bãi, cảng biển, cảng hàng không...

- Đầu tư trọng điểm để hình thành hệ thống tài sản kho bãi, cầu cảng, ICD tại các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước đặc biệt là 2 vùng sản xuất lớn là khu vực Hà Nội – Hải Phòng và TP Hồ Chí Minh – Bà Rịa - Vũng Tàu. Đối với lĩnh vực vận tải, tập trung vào vận tải đường thủy, phát triển đội xà lan mạnh.
- Hướng tới mục tiêu lọt vào top 3 doanh nghiệp logistics lớn nhất Việt Nam

#### 4.4. Đối với lĩnh vực bất động sản

- Tập trung khai thác các vị trí bất động sản thuận lợi có sẵn của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.
- Tập trung phát triển mảng sản phẩm khách sạn và văn phòng cho thuê.

#### 4.5. Đối với lĩnh vực tài chính

- Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam đóng vai trò là đơn vị dẫn dắt, hỗ trợ các công ty thành viên trong việc thu xếp, điều phối nguồn vốn để đảm bảo các công ty thành viên có đủ vốn để hoạt động với chi phí thấp và đảm bảo dòng tiền của toàn hệ thống được cân bằng, an toàn, hiệu quả.
- Hỗ trợ Đơn vị thành viên trong hệ thống GELEX giảm giá thành sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm bằng cách triển khai kế hoạch mua sắm tập trung vật tư nguyên liệu chính phục vụ sản xuất kinh doanh các Đơn vị thành viên, mua sắm lô lớn để có giá mua và điều kiện thương mại tốt nhất.
- Tìm kiếm đối tác chiến lược nước ngoài phù hợp với chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty.

#### 4.6. Đối với công tác quản trị

- Hoàn thiện mô hình quản trị của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo hướng chuẩn mực, minh bạch, đúng pháp luật, phù hợp với mô hình quản trị mới. Đối với các đơn vị sản xuất, đẩy mạnh quản trị sản xuất theo các tiêu chuẩn tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.
- Áp dụng công nghệ quản trị tiên tiến, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong mọi mặt quản lý điều hành của GELEX và các Đơn vị thành viên. Cải cách toàn diện cách thức giao dịch nội bộ trên cơ sở tăng cường tính kết nối- chia sẻ thông tin- nhanh – hiệu quả - không rào cản – đúng pháp luật.

#### 4.7. Đối với công tác tổ chức, nhân sự

- Hoàn thiện công tác tổ chức, nhân sự tại Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Hoàn thiện cơ chế lương và các chính sách đãi ngộ, xây dựng môi trường làm việc, văn hóa

doanh nghiệp minh bạch, văn minh để gắn bó cũng như thu hút người lao động đặc biệt là lao động có trình độ cao tới làm việc cho GELEX, đáp ứng yêu cầu của quá trình mở rộng và phát triển của Tổng Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho người lao động. Phát triển, bồi dưỡng người lao động trong toàn hệ thống để hình thành nguồn lực nhân sự nội bộ ổn định, bền vững của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

#### 4.8. Đối với công tác phát triển thương hiệu

- Tập trung nguồn lực phát triển thương hiệu GELEX của Tổng công ty trở thành thương hiệu mạnh quốc gia ngang tầm quốc tế.
- Xây dựng và phát triển hình ảnh, thương hiệu mạnh cho mỗi nhóm sản phẩm chủ lực của Tổng Công ty theo hướng chọn lọc, phát triển có trọng tâm, không dàn trải.
- Xây dựng một kế hoạch truyền thông, phát triển thương hiệu thống nhất trong toàn Tổng Công ty nhằm tiết kiệm nguồn lực, giảm chi phí và tăng tính thống nhất trong xây dựng hình ảnh và phát triển thương hiệu.

#### 4.9. Mục tiêu kế hoạch dự kiến toàn Tổng công ty năm 2017

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH 2017
I	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	10.900
II	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	1.050
III	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng/ng/tháng	12,738
IV	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	500

### 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Công ty đã thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh quốc phòng.

Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, tham gia các hoạt động xã hội của địa phương...

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA GELEX

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của GELEX

Năm 2016, nền kinh tế trong nước có dấu hiệu phục hồi, nhu cầu đối với ngành hàng thiết bị điện tăng nên đã có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Cùng với việc tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, sự nỗ lực của các đơn vị thành viên và tập thể người lao động, Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã đề ra với chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của GELEX đạt 579 tỷ đồng, tăng 27,08% so với của năm 2015. Tổng doanh thu thuần công ty mẹ đạt 1.289 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 305 tỷ đồng, tăng 22% so với mức 250 tỷ đồng năm 2015.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị Tổng công ty cũng đã chỉ đạo việc thực hiện thành công nhiệm vụ tái cấu trúc Tổng công ty như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 đã thông qua.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc: tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2016, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của Ban điều hành.

Kết quả giám sát cho thấy Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Tổng công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, vì sự ổn định và phát triển bền vững của Tổng công ty.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2017, để đạt được mục tiêu như báo cáo của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Tổng công ty đề xuất một số giải pháp chung như sau:

- Hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ nhằm thống nhất cơ chế quản lý phần vốn góp, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vốn của GELEX tại các đơn vị;
- Thông qua người đại diện vốn, tham gia việc thiết lập mô hình tổ chức, định hướng phát triển dài hạn của các đơn vị;
- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư;
- Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất kinh doanh. Chủ động lựa chọn phương án phù hợp trong đổi mới công nghệ sản xuất, chủ động nâng cao năng lực quản trị, chủ động tiếp cận và mở rộng thị trường; đồng thời phải xây dựng chiến lược kinh doanh, phương án kinh doanh khả thi cho từng mặt hàng, ngành hàng.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm. Khai thác tối đa năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Củng cố và phát triển hệ thống đại lý phân phối nhằm mở rộng và tăng thị phần cho các sản phẩm truyền thống.
- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác dự báo, phân tích tình hình thị trường, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV trên cơ sở giữ gìn những giá trị cốt lõi, thúc đẩy sự tiến bộ. Tuyển chọn, đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, đội ngũ kỹ sư và chuyên viên kinh tế có năng lực chuyên môn cao, giỏi ngoại ngữ, đội ngũ quản lý trung cao cấp có bản lĩnh, hiểu biết pháp luật, đoàn kết.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị sẽ cùng các đơn vị xây dựng định hướng chiến lược phát triển, cụ thể hóa một số nhiệm vụ, giải pháp hành động phù hợp với đặc điểm tình hình, tính chất đặc thù của từng đơn vị, từng ngành hàng.

## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Tổ chức kiểm toán

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu - Tràng Tiền - Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Điện thoại: 04 3824 1990
- Fax: 04 3825 3973

### 2. Ý kiến kiểm toán và báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 được công bố trên Trang thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, và trên trang web của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam theo đường dẫn: [http://gelex.vn/financial\\_report](http://gelex.vn/financial_report)
- Ý kiến kiểm toán: chấp nhận toàn bộ.

Xem *Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016* đính kèm.

Trân trọng báo cáo.

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2017

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Văn Tuấn**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Trang

02-03

04-05

06-48

06-07

08

09-10

11-48



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/09/2016
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/09/2016
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/09/2016
Bà Vũ Thanh Hương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 16/09/2016
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/09/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016 và miễn nhiệm ngày 01/09/2016
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/09/2016
Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016 và miễn nhiệm ngày 15/09/2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Thành viên	Miễn nhiệm trưởng ban ngày 04/03/2016
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 24 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biên**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017*

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.328.645.878.889</b>	<b>3.098.121.929.560</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.912.224.131.908	518.493.494.834
111	1. Tiền		551.676.131.908	337.190.219.960
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.360.548.000.000	181.303.274.874
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	353.394.502.790	448.433.560.889
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		353.394.502.790	448.433.560.889
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.489.502.751.011	1.006.793.864.550
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.235.953.581.919	964.049.114.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	40.031.806.525	42.533.295.302
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.000.000.000	33.193.522.700
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	244.595.334.365	12.644.761.572
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(37.077.971.798)	(46.632.565.353)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	1.005.735.477
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.540.458.703.992	1.089.029.229.696
141	1. Hàng tồn kho		1.546.458.431.143	1.094.473.019.541
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.999.727.151)	(5.443.789.845)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		33.065.789.188	35.371.779.591
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.500.945.005	2.406.586.738
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25.951.710.367	32.948.871.522
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3.613.133.816	16.321.331
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.456.499.987.197</b>	<b>1.819.382.361.671</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		441.000.000	395.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	441.000.000	395.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.023.040.244.851	981.971.979.497
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	975.880.073.518	925.140.436.177
222	- Nguyên giá		1.911.762.321.559	1.715.524.224.347
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(935.882.248.041)	(790.383.788.170)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	47.160.171.333	56.831.543.320
228	- Nguyên giá		58.439.178.735	68.819.552.152
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(11.279.007.402)	(11.988.008.832)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	233.426.742.295	44.873.799.497
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		233.426.742.295	44.873.799.497
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.003.976.347.979	646.827.240.129
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.000.267.658.228	638.870.867.329
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.495.681.301	8.491.514.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(386.991.550)	(535.141.800)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		600.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		195.615.652.072	145.314.342.548
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	189.278.626.743	143.919.494.156
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.337.025.329	1.394.848.392
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>8.785.145.866.086</b>	<b>4.917.504.291.231</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

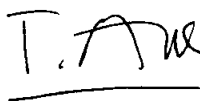
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.508.403.128.098</b>	<b>1.924.215.058.500</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.386.760.296.729</b>	<b>1.800.610.784.387</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	559.236.044.059	571.664.467.750
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		38.263.732.896	95.368.632.658
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	57.562.288.051	29.164.746.632
314	4. Phải trả người lao động		124.492.002.513	110.252.303.880
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	49.531.866.288	34.017.384.934
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		20.332.886.290	18.530.302.185
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	321.691.299.837	365.956.116.354
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.998.916.461.904	504.114.164.978
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	171.927.161.506	43.641.992.233
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		44.806.553.385	27.900.672.783
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.121.642.831.369</b>	<b>123.604.274.113</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		46.945.637.558	36.865.162.057
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	102.812.274.095	8.900.875.882
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	1.890.468.227.369	17.213.189.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		660.216.395	234.802.801
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	20	40.384.873.750	49.382.894.377
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		40.371.602.202	11.007.349.996
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.276.742.737.988</b>	<b>2.993.289.232.731</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>3.272.769.249.866</b>	<b>2.981.559.990.574</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	66.378.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.388.963.577	47.050.714.170
415	4. Cổ phiếu quỹ		(5.026.115.259)	(5.025.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		83.604.392	84.376.333
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		208.668.128.206	123.438.566.724
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		677.140.203.246	744.300.401.229
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		215.405.554.558	423.190.425.666
421b	LNST chưa phân phối năm nay		461.734.648.688	321.109.975.563
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		698.136.465.704	455.332.932.118
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>3.973.488.122</b>	<b>11.729.242.157</b>
431	1. Nguồn kinh phí		(25.923.000)	4.011.662.947
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.999.411.122	7.717.579.210
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.785.145.866.086</b>	<b>4.917.504.291.231</b>




Dương Việt Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

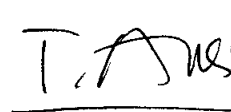

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	7.409.353.474.617	8.630.723.684.053
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	112.240.139.749	248.016.241.157
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.297.113.334.868	8.382.707.442.896
11	4. Giá vốn hàng bán	25	6.328.866.193.807	7.276.539.684.313
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		968.247.141.061	1.106.167.758.583
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	247.494.914.074	130.147.064.204
22	7. Chi phí tài chính	27	75.035.117.287	130.345.487.560
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(18.053.965.426)	5.198.438.999
25	9. Chi phí bán hàng	28	148.661.288.583	201.090.967.584
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	253.579.232.454	338.748.091.893
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		720.412.451.385	571.328.714.749
31	12. Thu nhập khác		8.239.472.445	6.462.728.666
32	13. Chi phí khác		29.009.873.831	3.388.813.123
40	14. Lợi nhuận khác		(20.770.401.386)	3.073.915.543
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		699.642.049.999	574.402.630.292
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		119.789.766.028	118.297.862.487
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		357.066.668	108.281.913
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>579.495.217.303</u>	<u>455.996.485.892</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		461.734.648.688	321.109.975.563
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		117.760.568.615	134.886.510.329
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.989	2.208
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	1.995	


Dương Việt Nga  
Người lập


Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		699.642.049.999	574.402.630.292
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		125.995.802.391	97.653.503.258
03	- Các khoản dự phòng		6.922.799.298	74.716.618.222
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.399.338.600)	(2.145.269.575)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(216.397.198.026)	(172.372.046.107)
06	- Chi phí lãi vay		67.726.821.032	54.828.381.840
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		682.490.936.094	627.083.817.930
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(77.850.159.753)	(215.694.534.103)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		345.923.720.112	(128.528.629.928)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(535.639.237.202)	194.224.395.547
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(47.417.193.163)	(28.788.629.089)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(55.722.805.787)	(55.392.795.264)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(112.938.901.052)	(131.795.278.086)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.795.857.545	40.217.626.226
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(63.981.574.353)	(295.788.764.748)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		146.660.642.441	5.537.208.485
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(379.654.472.396)	(201.507.426.652)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		384.745.165	702.080.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(681.574.588.946)	(459.193.246.676)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		886.789.206.156	282.085.422.960
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(755.196.492.305)	(95.653.040.249)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.889.376.109	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		189.632.396.012	120.822.728.550
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(696.729.830.205)	(352.743.482.067)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

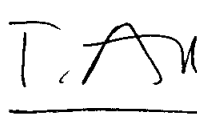

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.211.060.000	224.306.340.000
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		5.455.770.445.434	1.473.067.321.335
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.361.061.793.228)	(1.377.507.233.285)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(153.614.446.335)	(225.079.517.819)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>2.943.305.265.871</i>	<i>94.786.910.231</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.393.236.078.107	(252.419.363.351)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		518.493.494.834	770.927.664.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		494.558.967	(14.806.649)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.912.224.131.908</u>	<u>518.493.494.834</u>



Dương Việt Nga  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2016

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 09 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm 2016, Công ty mẹ và các Công ty thành viên của Tổng Công ty đều kinh doanh có lãi tăng so với cùng kỳ năm trước. Mặt khác, trong năm Tổng Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương, Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hà Nội dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**Cấu trúc Tập đoàn**- **Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	74,73%	74,73%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,88%	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	TP. Hà Nội	81,25%	81,25%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	70,79%	70,79%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty TNHH MTV thiết bị đo điện	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất thiết bị đo điện
Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

- **Tổng Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,14%	23,14%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Kho vận Miền nam	TP. Hồ Chí Minh	24,93%	24,93%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### - Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty:

- Trong năm Công ty Cổ phần Khí cụ điện I hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng. Tổng Công ty mua thêm 510.305 cổ phần tương đương với 6.123.660.000 đồng. Điều này dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,03% xuống 49,24%. Thời điểm hoàn tất việc phát hành tăng vốn là ngày 18 tháng 01 năm 2016. Do vậy, trên báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khí cụ điện I đang được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ 1.793.758 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương do Tổng Công ty đang nắm giữ trong kỳ tại ngày 13 tháng 06 năm 2016. Do vậy, số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016 không bao gồm số liệu của Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương, số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2016 và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất tương ứng đã bao gồm số liệu của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

- Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội. Do vậy, đến thời điểm 31/12/2016, Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội không còn là công ty liên kết của Tổng Công ty và không được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

- Trong năm, Tổng Công ty đã mua bổ sung thêm 2.800.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng Công ty tăng từ 65,006% lên 74,73%.

- Trong năm, Tổng Công ty đã mua bổ sung 26.727.705 cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị điện (Thibidi) dẫn tới tỷ lệ biểu quyết và lợi ích của Tổng Công ty tăng từ 43,44% lên 70,79%. Do đó, khoản đầu tư vào (Thibidi) được chuyển sang trình bày là khoản Đầu tư vào Công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty.

- Trong năm, Tổng Công ty đã mua 21.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam (Sotrans), chiếm 24,93% tổng số cổ phần đang lưu hành tại Sotrans. Khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2016 đang được Tổng Công ty ghi nhận là khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn:

- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Trường hợp sau khi nắm giữ quyền kiểm soát tại công ty con, công ty mẹ tiếp tục mua thêm tài sản thuần của công ty con từ các cổ đông không kiểm soát để nâng tỷ lệ sở hữu thì thực hiện như sau: Nếu giá phí khoản đầu tư thêm lớn hơn giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua thì phần chênh lệch được điều chỉnh trực tiếp làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Nếu giá phí khoản đầu tư thêm nhỏ hơn giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua thì phần chênh lệch được điều chỉnh trực tiếp làm tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thể thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thể thương mại còn chưa phân bổ;
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

Nếu công ty mẹ hợp nhất trực tiếp với công ty con sở hữu gián tiếp, khoản lãi hoặc lỗ từ giao dịch hợp nhất kinh doanh được ghi nhận giảm doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con sở hữu gián tiếp.

Nếu công ty mẹ hợp nhất gián tiếp với công ty con sở hữu gián tiếp bằng cách sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con sở hữu trực tiếp thì lãi, lỗ từ giao dịch hợp nhất kinh doanh được ghi nhận giảm doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính và xác định bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay.

#### **2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

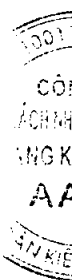
#### **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.





Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Lợi thế thương mại phát sinh được ghi nhận gộp trong giá trị khoản đầu tư. Tổng Công ty không thực hiện phân bổ khoản lợi thế thương mại này cho đến khi công ty liên doanh, liên kết trở thành công ty con (Tại ngày trở thành công ty con, công ty mẹ phải xác định lại khoản lợi thế thương mại trên cơ sở căn cứ vào giá trị hợp lý của tài sản thuần tại ngày kiểm soát công ty con).

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

109  
TY  
HÀNH  
MTO  
3C  
TP.H

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

**2.14 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

**2.18 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.20 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

**2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**2.25 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.618.795.858	4.581.166.806
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	548.057.336.050	332.609.053.154
Các khoản tương đương tiền	2.360.548.000.000	181.303.274.874
	<u><b>2.912.224.131.908</b></u>	<u><b>518.493.494.834</b></u>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm. Lãi suất của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn này tại thời điểm 31/12/2016 là từ 4,8%/năm đến 5,3%/năm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	353.394.502.790	353.394.502.790	448.433.560.889	448.433.560.889
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(1)</sup>	156.347.794.267	156.347.794.267	448.433.560.889	448.433.560.889
- Trái phiếu <sup>(2)</sup>	197.046.708.523	197.046.708.523	-	-
Đầu tư dài hạn	600.000.000	600.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	600.000.000	600.000.000	-	-
	<b>353.994.502.790</b>	<b>353.994.502.790</b>	<b>448.433.560.889</b>	<b>448.433.560.889</b>

(1) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) Bao gồm các hợp đồng cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 06092016/HĐMBTP/NGUYENLATHAO-GEX-S99 ngày 06 tháng 09 năm 2016: 35 trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 35.709.722.222 đồng; Ngày phát hành: 25/12/2015; Ngày Tổng Công ty mua 06/09/2016; Ngày đáo hạn: 25/12/2018; Lãi suất: 10%/năm.

2.2. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/MHC-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 50 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 50 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.

2.3. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/MHC-GEX-THT ngày 27 tháng 12 năm 2016: 800 trái phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây với mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 81.336.986.301 đồng; Ngày phát hành: 27/10/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/10/2019; Lãi suất: 10%/năm.

2.4. Hợp đồng mua bán trái phiếu số 27122016/HĐMBTP/TXT-GEX-VIX ngày 27 tháng 12 năm 2016: 30 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 30 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày Tổng Công ty mua 27/12/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2016			01/01/2016				
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo PP vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Giá trị ghi sổ theo PP vốn chủ sở hữu
				VND				VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	985.827.730	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	20.360.017.528
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội (*)	TP. Hà Nội			-	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	5.528.359.676
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	108.275.111.882	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	114.115.327.257
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	7.818.599.076	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	7.049.361.952
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện (*)	Tỉnh Đồng Nai			-	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	198.878.604.355
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,14%	23,14%	279.388.313.061	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	292.939.196.561
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I (*)	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	49.506.970.116	TP. Hà Nội	-	-	-
- Công ty cổ phần kho vận Miền Nam (*)	TP. Hồ Chí Minh	24,93%	24,93%	554.292.836.363	TP. Hồ Chí Minh	-	-	-
				<b>1.000.267.658.228</b>				<b>638.870.867.329</b>

(\*) Thông tin liên quan đến biến động các khoản đầu tư này được Tổng Công ty trình bày tại TM số 01- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, mục Thông tin tái cấu trúc Tập đoàn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	(386.991.550)	2.178.670.000	(535.141.800)
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	-	-	4.995.833.299	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	-	1.057.011.301	-
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	-	260.000.000	-
	<b>3.495.681.301</b>	<b>(386.991.550)</b>	<b>8.491.514.600</b>	<b>(535.141.800)</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam	48.006.417.479	67.408.349.632
- Myanmar Solar Rays Co., Ltd Solar Rays Electrical Trading	42.351.514.666	38.775.578.887
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	-	19.260.526.417
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	88.333.399.058	51.114.618.503
- Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	95.321.690.364	61.550.243.456
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Kim Biên	47.051.275.494	63.448.616.616
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	-	15.811.537.610
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	-	23.736.287.344
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	49.378.466.548	46.710.170.167
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	-	6.448.347.775
- Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	48.742.654.633	44.233.677.915
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	27.671.454.321	-
- Ban quản lý dự án Các Công trình Điện Miền Nam - Chi nhánh TCT truyền tải điện quốc gia	40.127.724.239	-
- Electricite Du Cambodge (EDC)	23.120.618.693	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng và thương mại Đại Dũng	9.186.218.400	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	716.662.148.024	525.551.160.530
	<b><u>1.235.953.581.919</u></b>	<b><u>964.049.114.852</u></b>

b) **Phải thu khách hàng là các bên liên quan**  
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.

-	<b><u>19.260.669.510</u></b>
---	------------------------------

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- RMM Metallhandel	6.871.886.896	(4.810.320.827)	6.871.886.896	(6.871.886.896)
- Upcast Oy Co.,LTD	11.050.119.208	-	-	-
- Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại EMIC	-	-	5.735.060.102	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại HK	5.564.535.848	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	16.545.264.573	-	29.926.348.304	-
	<b><u>40.031.806.525</u></b>	<b><u>(4.810.320.827)</u></b>	<b><u>42.533.295.302</u></b>	<b><u>(6.871.886.896)</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	2.000.000.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.000.000.000	4.500.000.000
Cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1	-	308.402.700
	<b>6.000.000.000</b>	<b>33.193.522.700</b>

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.800.265.279	-	2.491.439.432	-
Phải thu người lao động	4.096.522.722	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	51.430.244	-	41.546.350	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	46.900	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	4.550	-	-	-
Tạm ứng	11.466.484.760	-	4.890.590.185	-
Ký cược, ký quỹ	5.877.244.574	-	3.632.172.469	-
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần (*)	213.286.200.000	-	-	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	3.000.000.000	-	1.100.000.000	-
Phải thu khác	1.017.135.336	-	489.013.136	-
	<b>244.595.334.365</b>	<b>-</b>	<b>12.644.761.572</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	441.000.000	-	395.000.000	-
	<b>441.000.000</b>	<b>-</b>	<b>395.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản tiền đặt cọc mua Cổ phần Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ tại công ty con: Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX. Phương án chào bán cổ phần với số lượng chào bán thêm dự kiến là 28.850.480 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu cho cổ đông chiến lược là Tổng Công ty Cổ phần thiết bị điện Việt Nam. Công ty con của Tổng Công ty là đơn vị thực hiện giao dịch này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân <sup>(1)</sup>	19.260.526.417	-	19.260.526.417	-
- RMM METALLHANDEL GMBH <sup>(2)</sup>	6.871.886.896	2.061.566.069	6.871.886.896	-
- Các khoản khác	13.932.375.344	925.250.790	30.709.480.227	10.209.328.187
	<b>40.064.788.657</b>	<b>2.986.816.859</b>	<b>56.841.893.540</b>	<b>10.209.328.187</b>

**Ghi chú:**

(\*) Giá trị có thể thu hồi được trình bày trên cơ sở trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và công ty con xác định các khoản nợ xấu đều có khả năng thu hồi do Tổng Công ty và các công ty con vẫn đang tiếp tục thực hiện cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho các đối tác này.

(1) Đối với khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân của Công ty con - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), CADIVI đã kiện bên nợ ra tòa án và đã có bản án buộc bên nợ phải trả cho CADIVI theo số tiền nợ ghi nhận. Việc thực hiện bản án đang tiến hành. Khi có các thông tin khác về việc thi hành án, CADIVI sẽ công bố thông tin. Tại thời điểm 31/12/2016, CADIVI chưa đánh giá được giá trị có thể thu hồi của khoản công nợ này. Khoản nợ xấu này đã được CADIVI trích lập dự phòng 100%.

(2) Đối với khoản nợ phải thu RMM METALLHANDEL GMBH của Công ty con - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam hiện đang chờ Tòa án Liên bang Đức xử phá sản đối với RMM. Tại thời điểm 31/12/2016, CADIVI chưa đánh giá được giá trị có thể thu hồi của khoản công nợ này. Theo yêu cầu từ phía cơ quan thuế, CADIVI đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo mức 70%. (Khoản phải thu này đầu năm đang được CADIVI trích lập dự phòng theo mức 100%.)

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.109.305.270	-	6.301.117.300	-
Nguyên liệu, vật liệu	473.637.539.103	-	318.564.535.179	-
Công cụ, dụng cụ	1.569.486.230	-	3.436.578.236	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	287.851.646.496	-	112.003.204.172	-
Thành phẩm	740.462.640.024	(5.999.727.151)	596.464.177.207	(5.164.038.845)
Hàng hoá	36.827.814.020	-	44.288.279.252	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	-	-	13.415.128.195	-
	<b>1.546.458.431.143</b>	<b>(5.999.727.151)</b>	<b>1.094.473.019.541</b>	<b>(5.443.789.845)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016****11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>92.397.986.402</b>	<b>40.276.323.737</b>
- Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyễn Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
- Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	-	4.526.282.862
- Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	87.341.965.142	7.796.532.540
- Dự án Nhà máy cấp điện Cadivi Miền Trung	-	369.500.750
- Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	-	16.141.737.636
- Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	-	5.243.205.244
- Công trình khác	-	2.060.849.795
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	917.806.350	-
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>137.921.082.899</b>	<b>3.882.522.088</b>
- Phần mềm ERP	3.356.624.504	3.287.000.400
- Quyền sử dụng đất 799 Kinh Dương Vương (*)	127.243.482.364	-
- Mua sắm máy móc thiết bị tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	7.320.976.031	-
- Tài sản khác	-	595.521.688
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>3.107.672.994</b>	<b>714.953.672</b>
- Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	3.107.672.994	622.856.122
- Sửa chữa lớn các tài sản khác	-	92.097.550
	<b><u>233.426.742.295</u></b>	<b><u>44.873.799.497</u></b>

(\*) Quyền sử dụng đất tại 799 Kinh Dương Vương tại Công ty con – Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam đang được theo dõi trên Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là số tiền Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo thông báo tạm nộp tiền sử dụng đất, diện tích 5.092 m<sup>2</sup> do chuyển từ thuê hàng năm để sản xuất sang Dự án đầu tư xây dựng trung tâm Thương mại và văn phòng cao cấp.

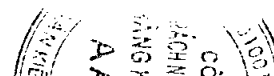
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	754.584.676.524	763.869.478.657	94.295.631.934	102.774.437.232	1.715.524.224.347
- Mua trong năm	8.548.210.062	79.127.498.099	16.784.381.865	762.696.535	105.222.786.561
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	23.893.015.100	-	-	23.893.015.100
- Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	(13.401.258.204)	72.219.174.592	4.373.224.313	3.665.120.856	66.856.261.557
- Tăng/giảm do phân loại lại	(246.681.818)	5.164.086.081	1.033.806.737	(5.951.211.000)	-
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	(868.795.880)	4.644.221.878	-	18.339.099.191	22.114.525.189
- Thanh lý, nhượng bán	-	(18.047.663.404)	(2.247.993.970)	(192.059.765)	(20.487.717.139)
- Tăng/giảm do chuyển đổi báo cáo	-	-	52.184.250	3.319.517	55.503.767
- Giảm khác	(129.474.461)	(1.134.802.651)	(77.650.043)	(74.350.668)	(1.416.277.823)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>748.486.676.223</b>	<b>929.735.008.352</b>	<b>114.213.585.086</b>	<b>119.327.051.898</b>	<b>1.911.762.321.559</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	248.448.543.538	460.546.486.295	59.367.228.702	22.021.529.635	790.383.788.170
- Khấu hao trong năm	25.099.121.915	60.255.882.952	9.063.967.085	8.685.450.766	103.104.422.718
- Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	3.909.242.266	53.462.229.117	(791.347.795)	3.549.260.984	60.129.384.572
- Điều chỉnh theo giá trị quyết toán XDCB hoàn thành	-	-	-	(813.477.557)	(813.477.557)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15.974.957.776)	(938.336.187)	(36.461.250)	(16.949.755.213)
- Tăng/giảm do chuyển đổi báo cáo	-	-	24.877.326	3.008.025	27.885.351
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>277.456.907.719</b>	<b>558.289.640.588</b>	<b>66.726.389.131</b>	<b>33.409.310.603</b>	<b>935.882.248.041</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	506.136.132.986	303.322.992.362	34.928.403.232	80.752.907.597	925.140.436.177
Tại ngày cuối năm	471.029.768.504	371.445.367.764	47.487.195.955	85.917.741.295	975.880.073.518



**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	58.907.317.659	9.912.234.493	68.819.552.152
- Mua trong năm	-	1.299.481.111	1.299.481.111
- Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	(4.791.031.700)	(6.888.822.828)	(11.679.854.528)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>54.116.285.959</b>	<b>4.322.892.776</b>	<b>58.439.178.735</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	7.851.827.153	4.136.181.679	11.988.008.832
- Khấu hao trong năm	-	1.085.920.467	1.085.920.467
- Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	-	(1.794.921.897)	(1.794.921.897)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.851.827.153</b>	<b>3.427.180.249</b>	<b>11.279.007.402</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	51.055.490.506	5.776.052.814	56.831.543.320
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>46.264.458.806</b>	<b>895.712.527</b>	<b>47.160.171.333</b>

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.176.235.188	11.812.029.259
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	8.926.571.530	6.104.468.867
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.743.034.340	13.276.448.872
Chi phí thuê đất trả trước	139.326.117.592	111.421.492.433
Chi phí khuôn mẫu cho Công ty Gelex Emic	7.664.258.054	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.442.410.039	1.305.054.725
	<b>189.278.626.743</b>	<b>143.919.494.156</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty LG International (HK)	-	-	35.028.075.466	35.028.075.466
LS NIKKO COPPER INC.	123.177.248.825	123.177.248.825	33.654.074.601	33.654.074.601
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Tân Nghệ Nam	46.820.082.286	46.820.082.286	56.157.913.449	56.157.913.449
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	-	-	17.279.749.520	17.279.749.520
Công ty Cổ phần Địa ốc - Cáp điện Thịnh Phát	1.307.728.962	1.307.728.962	51.654.495.103	51.654.495.103
Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	816.425.284	816.425.284	73.838.368.564	73.838.368.564
Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	-	-	25.052.616.758	25.052.616.758
Daewoo International Corp	-	-	13.418.105.039	13.418.105.039
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	62.028.156.183	62.028.156.183	94.473.185.907	94.473.185.907
Shaanxi saame import and export Co.,LTD	-	-	1.740.727.500	1.740.727.500
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp THIBIDI	132.593.256.382	132.593.256.382	-	-
Phải trả các đối tượng khác	192.493.146.137	192.493.146.137	169.367.155.843	169.367.155.843
	<b><u>559.236.044.059</u></b>	<b><u>559.236.044.059</u></b>	<b><u>571.664.467.750</u></b>	<b><u>571.664.467.750</u></b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<b><u>62.028.156.183</u></b>	<b><u>62.028.156.183</u></b>	<b><u>94.580.705.907</u></b>	<b><u>94.580.705.907</u></b>

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tăng/giảm do hợp nhất kinh doanh	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	2.807.175.258	237.358.290.199	229.123.478.980	(497.470.786)	345.242.520	10.880.125.261
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.688.381	-	1.510.986.247	1.586.210.967	-	81.913.101	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	24.083.794.257	131.736.753.361	112.938.901.052	(3.596.427.742)	2.034.912.802	41.320.131.626
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.269.616.877	20.642.171.115	19.764.362.204	(1.258.521.098)	1.151.065.393	3.039.970.083
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	4.160.240	10.040.819.795	9.415.638.905	707.676.960	-	1.337.018.090
Các loại thuế khác	-	-	794.869.841	644.473.022	-	-	150.396.819
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	912.990.188	78.344.016	-	-	834.646.172
	<b>16.321.331</b>	<b>29.164.746.632</b>	<b>402.996.880.746</b>	<b>373.551.409.146</b>	<b>(4.644.742.666)</b>	<b>3.613.133.816</b>	<b>57.562.288.051</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	11.908.524.969	197.007.906
- Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	2.827.051.190	4.257.853.767
- Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	11.887.647.865	14.196.798.172
- Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	-	3.070.875.500
- Chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biểu, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam	-	1.413.720.000
- Trích trước chi phí khuyến mại theo quy chế đại lý	4.039.765.125	6.974.241.959
- Chi phí phải trả khác	18.868.877.139	3.906.887.630
	<b>49.531.866.288</b>	<b>34.017.384.934</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	711.508.637
- Kinh phí công đoàn	763.173.340	1.827.363.518
- Bảo hiểm xã hội	1.960.852.981	643.113.182
- Bảo hiểm y tế	-	72.090.053
- Bảo hiểm thất nghiệp	501.598.273	57.320.033
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	279.174.926.965	301.399.158.645
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.863.439.719	130.320.000
- Phải trả lãi vay	617.961.637	325.463.455
- Phải trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát tại Công ty con	-	8.847.566.054
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyễn Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	-	16.699.815.109
- Cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 góp thêm vốn điều lệ	-	7.796.340.000
- Phải trả Quỹ khen thưởng, phúc lợi CTCP Dây cáp điện Việt Nam	-	5.307.769.345
- Các cổ đông nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm tại công ty mẹ (*)	737.100.000	-
- Các cổ đông nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm tại CTCP Dây cáp Điện Việt Nam	1.473.960.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.598.286.922	2.138.288.323
	<b>321.691.299.837</b>	<b>365.956.116.354</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.812.274.095	8.900.875.882
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đặt mua chứng quyền (**)	90.000.000.000	-
	<b>102.812.274.095</b>	<b>8.900.875.882</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- (\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 01/08/2016
- + Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần;
  - + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông;
  - + Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;
  - + Tỷ lệ phát hành: tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1;
  - + Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần.
- (\*\*) Công ty Cổ phần Chứng khoán IB đặt mua Chứng quyền với các nội dung chính như sau:
1. Hợp đồng đặt mua chứng quyền số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 06 tháng 12 năm 2016:
    - + Số lượng Chứng quyền đặt mua: 1.000 Chứng quyền;
    - + Ngày phát hành: Ngày 08 tháng 12 năm 2016;
    - + Thời hạn hiệu lực tối đa: 36 tháng;
    - + Giá mua: 50.000.000 đồng/Chứng quyền;
    - + Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi Chứng quyền: 50.000 cổ phần.
    - + Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo hợp đồng và trong mọi trường hợp, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 đồng/ cổ phần;
    - + Thời điểm thực hiện chứng quyền: được thực hiện 02 lần trong thời gian hiệu lực của chứng quyền. Đợt 01 không muộn hơn ngày 30/06/2018, đợt 02 không muộn hơn ngày 30/06/2019.
  2. Hợp đồng đặt mua chứng quyền số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016 với một số nội dung chính như sau:
    - + Số lượng Chứng quyền đặt mua: 800 Chứng quyền;
    - + Ngày phát hành: Ngày 13 tháng 12 năm 2016;
    - + Thời hạn hiệu lực tối đa: 36 tháng;
    - + Giá mua: 50.000.000 đồng/Chứng quyền;
    - + Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi Chứng quyền: 50.000 cổ phần.
    - + Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo hợp đồng và trong mọi trường hợp, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 đồng/ cổ phần.
    - + Thời điểm thực hiện chứng quyền: được thực hiện 02 lần trong thời gian hiệu lực của chứng quyền. Đợt 01 không muộn hơn ngày 30/06/2018, đợt 02 không muộn hơn ngày 30/06/2019.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>1.966.640.639.904</b>	<b>478.082.619.923</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	-	59.174.463.176
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	2.042.312.400	5.091.823.440
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	220.963.842.568	157.108.792.439
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	-	22.825.223.351
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	130.605.674.167
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	118.868.494.156	94.409.634.132
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	32.923.334.035	5.485.982.888
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	43.219.444.717	3.381.026.330
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Ba Đình	31.113.920.806	-
- Ngân hàng A&Z	12.836.927.594	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch 2	26.803.777.975	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	112.017.624.104	-
- Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB)	25.184.118.400	-
- Ngân hàng Ngoại thương - CN Đồng Nai	214.303.904.061	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	1.126.362.939.088	-
<b>Vay ngắn hạn tổ chức</b>	<b>1.272.000.000</b>	<b>1.350.000.000</b>
- Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.272.000.000	1.300.000.000
- Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	-	50.000.000
<b>Vay cá nhân</b>	<b>16.811.133.000</b>	<b>10.493.545.055</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>14.192.689.000</b>	<b>14.188.000.000</b>
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	14.192.689.000	14.188.000.000
	<b><u>1.998.916.461.904</u></b>	<b><u>504.114.164.978</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	-	14.192.689.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	76.754.591.005	3.020.500.000
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	20.000.000.000	-
- Trái phiếu thường (*)	1.793.713.636.364	-
	<b><u>1.890.468.227.369</u></b>	<b><u>17.213.189.000</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**(\*) Thông tin chi tiết liên quan đến khoản trái phiếu của Tổng Công ty**

Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐĐM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Ba Đình ngày 06/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích phát hành trái phiếu: Góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản Gelex, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp và các mục đích hợp pháp khác;
- + Số lượng trái phiếu: 1.000 (Một nghìn) Trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 08/12/2016;
- + Ngày đáo hạn: 08/12/2019;
- + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng).
- + Tài sản đảm bảo: Giá trị trái phiếu được đảm bảo bằng 20.500.000 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (Cadivi); 20.500.000 cổ phần phổ thông của Cadivi mà Tổng Công ty dự kiến sẽ mua thêm trong quý 1/2017 và phần vốn góp của Tổng công ty vào Công ty TNHH MTV Bất động sản Gelex được hình thành từ nguồn vốn phát hành trái phiếu này.

Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX ngày 12/12/2016 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích phát hành trái phiếu: Góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và các mục đích hợp pháp khác;
- + Số lượng trái phiếu: 800 (Tám trăm) trái phiếu;
- + Ngày phát hành: 12/12/2016;
- + Ngày đáo hạn: 12/12/2019;
- + Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng).
- + Tài sản đảm bảo: Giá trị trái phiếu được đảm bảo bằng công trình trên đất là tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, 10.946.969 cổ phần Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Thibidi), 24.242.245 cổ phần Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM), 23.600.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Thibidi) và phần vốn góp của tổ chức phát hành tại Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

**20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	<b>171.927.161.506</b>	<b>43.641.992.233</b>
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	171.927.161.506	43.641.992.233
	<u><b>171.927.161.506</b></u>	<u><b>43.641.992.233</b></u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	40.384.873.750	49.382.894.377
	<u><b>40.384.873.750</b></u>	<u><b>49.382.894.377</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>47.513.826.624</b>	<b>(7.125.000.000)</b>	<b>960.044.030</b>	<b>107.862.750.909</b>	<b>198.392.508</b>	<b>629.439.175.337</b>	<b>548.863.726.600</b>	<b>2.727.712.916.008</b>
Tăng vốn trong năm trước	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	-	-	-	-	216.378.000.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	321.109.975.563	134.886.510.329	455.996.485.892
Phân phối lợi nhuận công ty mẹ	-	-	-	-	-	29.500.000.000	-	(45.655.000.000)	-	(16.155.000.000)
Phân phối lợi nhuận của các công ty con	-	-	-	-	-	8.981.561.604	-	(22.646.866.490)	(8.405.162.687)	(22.070.467.573)
Chi trả cổ tức của Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)
Chi trả cổ tức của Công ty các Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(63.560.472.904)	(63.560.472.904)
Ảnh hưởng khi công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	(1.756.701.142)	-	(1.131.258.777)	13.106.839.919	10.218.880.000
Ảnh hưởng khi chuyển công ty con thành công ty liên kết	-	-	(463.112.454)	2.100.000.000	(838.620.418)	(21.149.044.647)	(198.392.508)	30.577.383.041	(169.558.509.139)	(159.530.296.125)
Chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	(37.047.279)	-	-	6.992.555	-	(30.054.724)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>66.378.000.000</b>	<b>47.050.714.170</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>84.376.333</b>	<b>123.438.566.724</b>	<b>-</b>	<b>744.300.401.229</b>	<b>455.332.932.118</b>	<b>2.981.559.990.574</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>66.378.000.000</b>	<b>47.050.714.170</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>84.376.333</b>	<b>123.438.566.724</b>	<b>-</b>	<b>744.300.401.229</b>	<b>455.332.932.118</b>	<b>2.981.559.990.574</b>
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	461.734.648.688	117.760.568.615	579.495.217.303
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	94.344.781.743	-	(142.848.167.282)	(16.763.185.967)	(65.266.571.506)
Chi trả cổ tức công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(154.500.000.000)	-	(154.500.000.000)
Chi trả cổ tức các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(39.752.277.631)	(39.752.277.631)
Ảnh hưởng khi công ty liên kết chuyển thành công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	319.520.811.101	319.520.811.101
Ảnh hưởng khi giảm công ty con	-	-	-	-	-	(9.117.465.668)	-	(55.743.868.984)	(64.660.541.438)	(129.521.876.090)
Chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	(771.941)	-	-	-	-	(771.941)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(191.092.826.777)	(72.772.378.223)	(263.865.205.000)
Ảnh hưởng khi công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	30.338.249.407	(1.115.259)	-	2.245.407	-	15.500.371.604	(289.751.159)	45.550.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(210.355.232)	(239.711.712)	(450.066.944)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>66.378.000.000</b>	<b>77.388.963.577</b>	<b>(5.026.115.259)</b>	<b>83.604.392</b>	<b>208.668.128.206</b>	<b>-</b>	<b>677.140.203.246</b>	<b>698.136.465.704</b>	<b>3.272.769.249.866</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 19/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 04 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	249.651.441.276		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	31,11%	77.656.441.276		
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,00%	2.495.000.000		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,01%	15.000.000.000		
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	61,89%	154.500.000.000		
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>				
	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư GEX	23,09%	357.968.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	76,58%	1.187.032.000.000	99,68%	1.545.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,32%	5.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>1.550.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.550.000.000.000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>				
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.550.000.000.000		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000		
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	150.000.000.000		
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.550.000.000.000	1.550.000.000.000		
<b>d) Cổ phiếu</b>				
	31/12/2016	01/01/2016		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	155.000.000		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	155.000.000		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000.000	155.000.000		
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	500.000	500.000		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	154.500.000		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	154.500.000	154.500.000		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000		
<b>e) Các quỹ công ty</b>				
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND		
Quỹ đầu tư phát triển	208.668.128.206	123.438.566.724		
	<b>208.668.128.206</b>	<b>123.438.566.724</b>		



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	988.000,52	1.410.425,78
- Đồng Bảng Anh (GBP)	-	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	-	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	3.385,48	.585,48
- Đồng đô la Úc (AUD)	12.050,00	-
- Đồng Yên Nhật (JPY)	906.000,00	33.000,00
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	10.431.616,00	62.028.859,00

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
	14.400.654.422	9.524.621.748

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	7.245.516.959.000	8.445.635.826.757
Doanh thu cung cấp dịch vụ	143.672.586.163	173.654.338.144
Doanh thu hợp đồng xây dựng	20.163.929.454	11.433.519.152
	<u><u>7.409.353.474.617</u></u>	<u><u>8.630.723.684.053</u></u>

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	97.481.015.224	233.769.642.562
Hàng bán bị trả lại	14.759.124.525	14.246.598.595
	<u><u>112.240.139.749</u></u>	<u><u>248.016.241.157</u></u>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	6.215.456.254.325	7.147.148.755.363
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	96.308.434.003	106.028.536.499
Giá vốn hoạt động xây dựng	18.165.150.889	11.054.072.040
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	-	196.106.412
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.063.645.410)	12.112.213.999
	<u><u>6.328.866.193.807</u></u>	<u><u>7.276.539.684.313</u></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	32.574.930.824	28.544.412.931
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	306.138.901
Lãi bán các khoản đầu tư	41.509.941.593	220.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	160.366.291.035	93.702.479.511
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.930.837.483	5.161.566.853
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.426.753.038	2.177.708.362
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.686.160.102	34.757.646
	<b>247.494.914.074</b>	<b>130.147.064.204</b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	67.726.821.032	54.828.381.840
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	970.726.763	587.490.486
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	65.888.679.265
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.680.641.291	8.837.688.344
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	27.414.438	32.438.787
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(765.375.190)	(466.203.037)
Chi phí tài chính khác	394.888.953	637.011.875
	<b>75.035.117.287</b>	<b>130.345.487.560</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.522.713.957	3.307.483.018
Chi phí nhân công	18.180.505.758	32.134.567.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.085.810.363	1.943.037.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.625.721.300	75.187.838.260
Chi phí khác bằng tiền	44.742.544.790	49.438.713.020
Chi phí bảo hành	16.503.992.415	39.079.328.844
	<b>148.661.288.583</b>	<b>201.090.967.584</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.302.940.124	11.088.792.801
Chi phí nhân công	109.657.440.454	166.065.862.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.857.627.272	11.799.799.878
Thuế, phí, lệ phí	6.929.077.766	12.313.895.849
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(7.752.172.517)	16.148.019.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.071.439.384	39.322.843.229
Chi phí khác bằng tiền	90.512.879.971	82.008.878.707
	<b>253.579.232.454</b>	<b>338.748.091.893</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	461.734.648.688	321.109.975.563
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	461.734.648.688	321.109.975.563
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	154.500.000	145.458.242
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.989</b>	<b>2.208</b>

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**31 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 01 tháng 08 năm 2016, Tổng Công ty dự kiến phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016
	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	461.734.648.688
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	461.734.648.688
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	154.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	77.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.995</b>

Thông tin liên quan đến phát hành tăng vốn được trình bày cụ thể tại thuyết minh số 34- "Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm"

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.299.209.427.139	4.525.048.849.562
Chi phí nhân công	361.523.475.809	482.804.251.997
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.190.343.185	109.191.574.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.825.093.309	202.367.873.401
Chi phí khác bằng tiền	183.832.605.634	227.534.719.752
	<b>6.073.580.945.076</b>	<b>5.546.947.269.274</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.912.224.131.908	-	518.493.494.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.480.989.916.284	(37.077.971.798)	977.088.876.424	(46.632.565.353)
Các khoản cho vay	162.947.794.267	-	481.627.083.589	-
Đầu tư ngắn hạn	196.446.708.523	-	-	-
Đầu tư dài hạn	4.095.681.301	(386.991.550)	8.491.514.600	(535.141.800)
	<b>4.756.704.232.283</b>	<b>(37.464.963.348)</b>	<b>1.985.700.969.447</b>	<b>(47.167.707.153)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	3.889.384.689.273	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	983.739.617.991	946.521.459.986
Chi phí phải trả	49.531.866.288	34.017.384.934
	<b>4.922.656.173.552</b>	<b>1.501.866.198.898</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.912.224.131.908	-	-	2.912.224.131.908
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.443.470.944.486	441.000.000	-	1.443.911.944.486
Các khoản cho vay	162.947.794.267	-	-	162.947.794.267
Đầu tư ngắn hạn	196.446.708.523	-	-	196.446.708.523
Đầu tư dài hạn	-	3.708.689.751	-	3.708.689.751
	<b><u>4.715.089.579.184</u></b>	<b><u>4.149.689.751</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.719.239.268.935</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	518.493.494.834	-	-	518.493.494.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	930.061.311.071	395.000.000	-	930.456.311.071
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	-	481.627.083.589
Đầu tư dài hạn	-	7.956.372.800	-	7.956.372.800
	<b><u>1.930.181.889.494</u></b>	<b><u>8.351.372.800</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.938.533.262.294</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	1.998.916.461.904	1.890.468.227.369	-	3.889.384.689.273
Phải trả người bán, phải trả khác	880.927.343.896	102.812.274.095	-	983.739.617.991
Chi phí phải trả	49.531.866.288	-	-	49.531.866.288
	<b><u>2.929.375.672.088</u></b>	<b><u>1.993.280.501.464</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.922.656.173.552</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	504.114.164.978	17.213.189.000	-	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	937.620.584.104	8.900.875.882	-	946.521.459.986
Chi phí phải trả	34.017.384.934	-	-	34.017.384.934
	<b><u>1.475.752.134.016</u></b>	<b><u>26.114.064.882</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.501.866.198.898</u></b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### 34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 01 tháng 08 năm 2016, Tổng Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần;
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới);
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần;
- Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được UBCK Nhà nước cấp phép;
- Phương án sử dụng vốn:
  - + Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược (578.200.000.000 đồng);
  - + Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam và các doanh nghiệp khác (812.300.000.000 đồng).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lập và phê duyệt phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích nói trên.

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 20/2017/GELEX-BC ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và Công văn số 534/UBCK-QLCB ngày 23 tháng 01 năm 2017 về việc xác nhận đã nhận Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 20/2017/GELEX-BC ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thì số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công là 77.000.000 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Tổng Công ty lên là 2.320.000.000.000 đồng. Tổng Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 21 tháng 02 năm 2017 với vốn điều lệ theo đăng ký mới là 2.320.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 12/2017/GELEX/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 03 năm 2017 phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX, vốn điều lệ mới sau khi đăng ký là 1.250.000.000.000 đồng.

Theo báo cáo kết quả chào mua công khai ngày 10 tháng 03 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua bổ sung 22.299.983 cổ phần của Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam (Sotrans) nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi chào mua của Tổng Công ty lên 51,03% vốn điều lệ của Sotrans. Khoản đầu tư vào Sotrans trong năm 2017 được Tổng Công ty trình bày là khoản đầu tư vào Công ty con.

Theo Nghị quyết số 15/2017/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 03 năm 2017, Tổng Công ty dự kiến thoái toàn bộ 510.000 cổ phần tương ứng 25,5% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Sản xuất và thương mại EMIC, và Công ty này không còn là Công ty liên kết của Tổng Công ty. Thời gian dự kiến thực hiện từ ngày 17 tháng 03 năm 2017 đến ngày 17 tháng 04 năm 2017.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại trong lĩnh vực thiết bị điện và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ</b>		<b>56.088.351.836</b>	<b>73.561.575.920</b>
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	14.082.000	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	487.090.869	471.927.233
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	53.541.859.967	70.720.334.187
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	2.045.319.000	2.369.314.500
<b>Mua hàng hóa</b>		<b>639.600.558.217</b>	<b>583.659.952.483</b>
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	5.660.806.538	119.592.220
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	544.438.093.123	452.947.619.761
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	89.182.795.835	130.185.666.462
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Công ty liên kết	268.954.321	-
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	49.908.400	407.074.040
<b>Cho vay vốn</b>		<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	10.000.000.000
<b>Lãi cho vay vốn</b>		<b>851.553.600</b>	<b>1.201.440.533</b>
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	371.553.600	743.107.200
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	480.000.000	458.333.333
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		<b>90.468.207.500</b>	<b>73.466.488.311</b>
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	1.490.700.000
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	24.378.127.500	15.940.708.311
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	1.020.000.000	765.000.000
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Công ty liên kết	61.600.000.000	51.800.000.000
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	3.470.080.000	3.470.080.000
<b>Góp vốn</b>		<b>560.416.496.363</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (*)	Công ty liên kết	554.292.836.363	-
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	Công ty liên kết	6.123.660.000	-

(\*) Ông Nguyễn Văn Tuấn- Tổng Giám đốc Tổng Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Số dư tại ngày kết thúc năm:

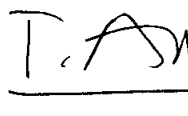

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		-	19.260.669.510
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	19.260.669.510
<b>Phải thu vốn cho vay</b>		2.000.000.000	28.385.120.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.000.000.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	16.000.000.000
<b>Phải thu lãi cho vay vốn</b>		-	2.195.706.096
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	1.917.372.763
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	278.333.333
<b>Phải trả tiền hàng</b>		62.028.156.183	94.580.705.907
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	107.520.000
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	62.028.156.183	94.473.185.907
<b>Ứng trước tiền hàng</b>		-	5.813.037.664
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	77.977.562
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	5.735.060.102
<b>Phải thu lãi cho vay</b>		2.288.926.363	1.917.372.763
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	2.288.926.363	1.917.372.763
<b>Phải thu khác</b>		-	1.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	-	1.000.000
<b>Phải trả khác</b>		-	16.699.815.109
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	16.699.815.109

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	9.689.278.415	4.321.100.000

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Dương Việt Nga  
Người lập


Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

